

NIỆM PHẬT TAM MUỘI BỬU VƯƠNG LUẬN

Phi Tích Thiền Sư

Tịnh Sĩ dịch

---o0o---

MỤC LỤC

Lời khái quát

Lời mở đầu

Phần 1

I. Niệm Vị lai Phật chóng thành tam muội

II. Người nữ, kẻ trộm đều không nên khinh

III. Thấy người trì giới phá giới chỉ sanh ý tưởng Phật.

IV. Hiện đang đọa ở địa ngục cũng được thọ ký

V. Quán không, vô ngã chọn thiện mà theo

VI. Không có thiện để chọn, không có ác để bỏ

VII. Không nên ăn thịt chúng sinh.

VIII. Niệm chuyên chú một cảnh Phật hiện tại

IX. Đời sau này tùy thuộc một niệm và mười niệm.

X. Tâm này là Phật , tâm này làm Phật

Phần 2

XI- To tiếng niệm Phật mặt hướng về Tây

XII-Mộng tỉnh đều chỉ một Tâm

XIII-Niệm ba thân Phật phá ba chướng

XIV- Niệm Phật quá khứ, nhân quả như nhau

XV- Song tu lý sự vô tâm niệm Phật

XVI-Liễu đạt tâm và cảnh thì vọng tưởng chẳng sanh

XVII- Nên ở trong tâm hành mà cầu giải thoát và chư Phật

XVIII-Ba nghiệp cúng dường chân thật biểu lộ sự cung kính

XIX- Vô tướng dâng hoa, tin hủy chiêu báo

XX- Muôn thiện chung qui đều thành tam muội

LỜI KHÁI QUÁT

Xưa Ngài Vân Thê Châu Hoằng lúc còn tại thế rất hâm mộ Bửu Vương Luận của Phi Tích Thiên Sư và Niệm Phật Trực Chỉ của Diệu Hiệp Đại Sư nên thường đi đó đây để tìm kiếm mà chưa gặp. Sau vào cuối niên hiệu Thần Miếu, ở Đất Cổ Ngô, ngài Vạn Dung Thiên Sư tình cờ trong đồng giấy cũ lượm được một phân còn sót lại, vì hai sách hợp lại thành một bản. Những chỗ bị rách mất chỉ còn lại những dấu mực lờ mờ. Ngài đem tặng cho cư sĩ Chánh Tri, cư sĩ Chánh Tri cùng với ngài Trí Húc trước sau nhiều lần khắc bản để lưu hành. Khi soạn sách Tịnh độ tinh yếu, ngài Trí Húc liền đem hai quyển này góp vào coi đây là hai sách rất cần yếu. Rất tiếc hai quyển này chưa vào tay ngài Vân Thê để được trí tuệ ngài soi chiếu. Luận này nói về hai tư lương tín và nguyện là niệm Phật vị lai nên rất là quan yếu.

LỜI MỞ ĐẦU

Một hôm có vị khách đến viếng tịnh cốc của tôi, trước lễ chào, sau dùng lời rất thanh nhã hỏi rằng : “Từng nghe : đối với người tu tâm, đường tắt để thành đạo thì hạnh Thường Bất Khinh của Pháp Hoa Tam muội và Pháp Ban Châu của Niệm Phật tam muội đều là môn Vô Thượng Thâm Diệu Thiên. Xin được nghe về vấn đề này”.

Đáp : “Tôi đã lâu mặc tu ở Cửu Phong. Không để tâm đến việc thế sự bên ngoài, sách vở cũng không đọc đến. Từ khi ở chùa Thảo Đường núi Tử Cát, Linh Điển Thiên Phước Pháp Hoa Thắng Tràng đến nay đã 30 mươi năm, nhiều lần mừng được bậc hữu danh đến thăm hỏi, song chưa nghe ai hỏi như ông. Ông muốn bước đến bến rộng vô sanh, muốn tung cánh chim bằng vượt bể nam, tôi tự thẹn mình chưa được sáng suốt, xin thử luận bàn, nay lược chia làm 20 điều để nói rõ yếu chỉ ấy”.

---o0o---

I NIỆM VỊ LAI PHẬT CHÓNG THÀNH TAM MUỘI.

Luận về tâm nhị nguyên phân biệt nó hay khởi ra vọng niệm. Các vọng tuy hư giả huyền hoặc mà lại hay ngăn ngại. Chỗ ngăn ngại này chưa được trừ bỏ thì thánh nhân còn phải lo toan.

Vốn đủ các âm vận mà không nói, pháp thân tuy rỗng rang mà có đủ mọi hình tướng. Chỉ vì các tướng không hiện bày nên nói là không có tướng vậy.

Đối với yếu chỉ Nhất vị (nhất tâm) dứt bật các đường nói năng làm sao biết được chỗ về của nó. Cái tông thú Tam muội quét sạch các tri kiến, hiển bày qua việc nói nín, đâu phải chỉ Duy Ma im lặng, Văn Thù khen ngợi mà thôi.

Vì sao? Bởi lưới Đế Thích chưa căng đâu thấy được ngàn ngọc anh lạc. Một khi lưới được trương rồi thì muôn mắt đều mở ra thấy (chưa nhất tâm niệm Phật nên chưa thấy, khởi niệm Phật thì rõ tất cả là Phật). Tắm biển lớn tức đã dùng nước trăm sông, niệm danh hiệu Phật thì thành tựu tam muội. “Một lời có thể ngăn dứt tất cả” chính là ý này. Giống như bỏ ngọc ma ni vào nước đục, nước đục không gì không trong; Ý tưởng Phật đưa vào tâm loạn, tâm loạn chẳng gì chẳng Phật.

Khi tâm và Phật đã khế hợp rồi thì cả hai đều mất. Cả hai đều mất là định vậy. Cả hai đều sáng soi là tuệ vậy. Cảnh giới này gọi là định tuệ đồng đều, cũng là chỗ nói: “Tâm nào chẳng là Phật, Phật nào chẳng là tâm”. Tâm và Phật đã như vậy thì mọi cảnh mọi duyên không đâu không là tam muội.

Song người đời phần nhiều chỉ niệm tướng mặt tròn như trăng của đức Thích Ca quá khứ, tưởng tượng tướng mặt trong như biển của Phật Di Đà hiện tại giống như nhỏ tên độc, như vào an lạc cung. Đó là pháp rất hay, nhưng chưa nghe nói việc niệm tướng tướng sáng soi như mặt trời của Chư Phật vị lai. Ấy cũng tại chưa thấu rõ rằng Đức Như Lai đối với thô tâm của chúng sinh mà nói ra những điều vi diệu của chư Phật, mới ngăn cách chúng sanh ra ngoài chư Phật. Do vậy mà chưa nghe nói về tướng Phật vị lai và không có ai niệm tướng.

Trong Kinh Tịnh Danh (Duy ma) có nói việc: chỉ người hoa Đờm bạc, không người mùi gì khác và hoa có dính thân cùng chẳng dính thân. Đó là hạ tiểu thừa xuống, đưa đại thừa lên vậy. Hạ tiểu thừa xuống thì bày chỗ ôm bát mà dầm dề nước mắt. Đưa Đại thừa lên thì hiển việc đồng vui ở cảnh giới bất nhị. Còn trong Kinh Pháp Hoa là Kinh định rõ pháp thanh văn, là Kinh vua trong các Kinh thì tất cả mùi hương Đờm bạc này (quả vị Phật) ai cũng có đủ nhưng không hiện rõ thôi

Do chưa phải là bậc liễu ngộ nên thấy chư Phật là bậc chí tôn, chúng sanh là kẻ chí tiện; tức là còn ý cao thấp sanh ra, còn tâm vọng niệm khởi phát. Có tâm niệm cung kính khinh ngạo khởi sanh thì tánh chơn như nhứt vị ẩn mất. Như thế tất coi vạn vật tầm thường như cây cỏ, xem thiên hạ nhỏ nhoi chẳng ra gì, khinh ngạo lễ nghi, ngông nghênh với người trưởng thượng, mặc tình buông thả tầm mắt theo cảnh vật, chẳng chịu nép mình. Đó là trái với Duy Ma Kinh: “mọi cái nhìn, mọi cái cung kính đều là món cao quý nhất trong các món cúng dường”. Đó cũng là không tin Kinh Lăng già nói: “Nhu Lai tạng tự tánh thanh tịnh, chuyển 32 tướng vào trong tâm tất cả chúng sanh như cột bảo châu rất quý giá vào trong áo bản”. Đã vậy, làm sao thấy được kẻ cùng tử xin ăn trong thành và đức Như Lai cao quý bình đẳng không khác.

Nếu niệm đủ chư Phật 3 đời, quán khắp mười phương thánh chúng thì mới phù hợp với lý thú bát nhã. Thấy tất cả hữu tình đều là Như Lai tạng, tự thể của Phổ Hiền Bồ tát ẩn khắp trong các tướng, bản nữ có ngọc báu, gạo ngay trong thóc lúa như gương trong bể nhìn thì đâu còn lo vướng phải tám điều kiêu mạn đáng trách kia.

Người đời không dám khinh Phật quá khứ hiện tại nhưng lại coi thường Phật ở vị lai (chúng sanh). Thật không biết đó là cội nguồn khởi nên tội lỗi. Bởi đặt mình trên Phật vị lai chẳng khác nào coi mình trên Phật hiện tại. Bỏ chúng sanh ra thì Phật vị lai làm sao có. Chúng ta phải biết: mẹ nhờ con mà quý, gạo nhờ cám mà bồ, nhờ Phật vị lai mà Phật hiện tại có giá trị.

Thế nên, tu kèm thêm tâm Thường bất Khinh của Pháp Hoa ấy thì niệm Phật tam muội chẳng sớm muộn chắc chắn thành tựu vậy.

Hỏi: Pháp Hoa là pháp. Niệm Phật là Phật. Đâu thể lấy Pháp làm Phật, lấy Phật làm pháp được. Đó là lộn lạo lớn vậy!

Đáp: Chẳng lộn lạo gì cả. Cội gốc chỉ là một thì có gì là lộn lạo. Xét như loại thuốc Chi Truật là thuốc của các vị Tiên. Khi xưa còn ở trên trời; nó không có tên “Tiên”. Chỉ vì có người uống vào, mọc cánh bay trên mây, nó mới mang tên là “Thuốc tiên”, và người đó được gọi là “người tiên”. Người và thuốc khác nhau nhưng gốc tiên là một vậy. Nếu không có Thánh nhân thì ai vui với đạo. Pháp không có Phật giác ngộ, há có thể tự ngộ được ư! Pháp không có Phật thì không thể ngộ, niệm Phật tam muội làm sao sanh được? Phật chẳng có Pháp thì chẳng sáng tỏ, Pháp Hoa tam muội há khởi được ư? Chỉ một loại tiên mà hai thứ đều được tên Tiên _ Niệm Phật và Pháp Hoa đồng gọi là Phật huệ. Đã đồng là Phật huệ thì pháp môn Vô thượng thâm diệu thiên tức Thường bất Khinh và Ban Châu tam muội ngay đây được ngộ. Chưa từng có dị biệt, có gì đâu mà lộn lạo?

II- NGƯỜI NỮ, KẺ TRỘM ĐỀU KHÔNG NÊN KHINH.

Hỏi: Xin được nghe chỗ “tất cả chúng sanh đều là Phật vị lai”. Người nữ, kẻ trộm đều là thức rất xấu, làm sao người niệm Phật cung kính được?

Đáp: Pháp môn Phật giảng thuyết có hai loại là “Đối đãi môn” và “quyết liễu môn”.

Ở Đối đãi môn coi đàn bà con gái là thứ hư ngụy và Như Lai là bậc Chí Chơn, nghĩa là Phật thì đáng tôn sùng còn đàn bà thì phải yếm ly (xa chán). Và để yếm ly người nữ, có 2 cách là “quở trách sự ham muốn” và “khởi tâm quán sát”

Về việc quở trách sự ham muốn, trong kinh “Bồ tát ha sắc dục” nói: “Nữ sắc là gông xiềng của thế gian, phạm phu đắm luyến thì không thể tự dứt ra được. Nữ sắc là bệnh nặng của thế gian, phạm phu khổ sở vì nó đến chết vẫn chưa thôi. Nữ sắc là họa suy đồi của thế gian, phạm phu gặp phải thì không tai nạn nào chẳng đến”. Hành giả đã bỏ được lại còn nghĩ tưởng thì khác gì ra được tù ngục lại muốn trở vào, đã hết điên

cuồng lại muốn điên nữa, đã khỏi được bệnh lại mong có bệnh. Người trí thấy vậy xót thương vì biết kẻ mắc bệnh cuồng si điên đảo ấy đến chết vẫn chưa thấy mặt trời (sáng suốt)”.

Kẻ phàm phu quý trọng người nữ, cam làm nô bộc, suốt đời bôn ba làm việc khổ cực; Ở trong búa sắt chông gai, gân gữa mũi dùi tên nhọn vẫn cam tâm nhẫn chịu không lấy làm lo. Bởi kẻ say cuồng thường thích hạng say cuồng không bao giờ cho là lỗi.

Hành giả nếu bỏ được rồi không để tâm nữa, ấy là phá gông, thoát xiềng, bỏ cuồng, chán bệnh. Lìa xa cái họa suy đồi (nữ sắc) thì đã an ổn lại tốt lành, là ra được tù ngục vĩnh viễn không còn tai nạn.

Luận về người nữ, lời nói họ như mật nhưng tâm họ lại là thuốc độc. Họ khác nào như dòng suối lặng trong mà có giao long ở, như núi vàng hang báu có sư tử nằm trong. Nên biết thứ nguy hại này là thứ không nên gần vậy. Gia đình bất hòa là bởi người nữ; phá tông môn hư gia nghiệp cũng tại lỗi người nữ. Người nữ thật là giặc ngầm tiêu diệt trí tuệ sáng suốt của con người; giống như thợ săn giăng lưới bao bọc, thú không đường ra khỏi; như lưới bủa trên cao, chim sa xuống rồi không thể tung bay; như lưới thả ngang sông, cá đã dậm vào tất nằm trên thớt; lại như hầm tối, kẻ đi vào đó là bỏ hong vào lửa đỏ.

Thế nên người trí biết rõ và lánh xa, không để bị hại; chán và gớm, không để bị mê hoặc. Kinh Đại Bảo Tích chép Phật vì vua Ưu Đà diên (Ưu Điền) nói kệ rằng:

“Là núi đao gai nhọn	tên độc và các khổ
Nữ nhờn là chỗ tụ	của nhiều thứ khổ đau
Nhờ có các hương hoa	mà thân trang nghiêm đẹp
Kẻ ngu si theo đó	khởi vọng tâm tham cầu
Như chim đuổi giữa biển	mê muội bờ bên kia
Khi chết tất phải đọa	vào địa ngục a-tỳ
Hiện đời thấy các khổ	đều theo thân đến mãi
Bị bạn lành xa lánh	mắt hấn nẻo về trời
Lại còn vào ngục sắt	chạy nhảy trên núi đao
Nằm ngủ trên lò lửa	Đừng nên gần nữ sắc!”
“Như chim tìm thức ăn	không biết tránh xa lưới
Kẻ tham ái nữ nhân	bị hại cũng như vậy
Giống như cá trong nước	bơi vào trong lưới giăng
Liên bị người ta bắt	há chẳng tự hại ư!
Nữ nhờn như kẻ chài	lừa dối giống như lưới
Đàn ông đồng như cá	bị lưới cũng như vậy”.

Về cách “Khởi tâm quán sát”, như Kinh Đại Bảo Tích chép: [Văn Thù Sư Lợi bảo Thiện Trụ thiên tử rằng: “Nếu là người nhút tâm chuyên ròng tu tập giữ gìn thì khi tâm tham dục phát sanh, liền nên nhận biết rồi dùng phương tiện phá trừ để tâm trở lại thanh tịnh. Phá trừ như thế nào? Bằng cách khởi nghĩ rằng: _ ‘Đó là không, là bất tịnh. Tâm dục này sanh ra diệt đi, nó không từ đâu đến và cũng chẳng đi đâu. Trong tâm ấy nào có ai nhiễm, nào ai được nhiễm và đâu là pháp nhiễm’ _ Lúc quán sát như thế, không thấy có năng nhiễm, sở nhiễm và việc nhiễm. Không thấy thì không nắm giữ. Không nắm giữ thì không có xả. Không có xả thì không có ái. Không xả không ái gọi là ly dục tịch tịnh niết bàn vậy. Bấy giờ giả như buông tâm vào trong trần lao sanh tử cũng không lo họa hoạn tham sân si”]. Đây gọi là “Khởi tâm quán sát”.

Trên đã nói xong Đối Đãi môn (tương đối)

Thứ hai nói về Quyết liễu môn (cứu cánh). Nếu xét trên phương diện rốt ráo xa lìa các vọng hoặc, không còn ô nhiễm như hư không thì đó là chư Phật quá khứ và hiện tại chớ chẳng phải là Phật vị lai. Còn trên phương diện đưa đến rốt ráo thì tất cả chúng sanh trần lao phiền não là Phật vị lai vậy

Người há chẳng nghe : “muốn được ngọc vô giá, phải lặn dưới biển sâu; muốn có trí tuệ báu, phải tìm trong phiền não. Tướng ngũ nghịch là tướng giải thoát, cõi ma như chính là cõi Phật như”. Nếu nghe tiếng Phật mà vui, nghe giọng ma lại giận thì không vào được “Pháp môn âm thanh”, chẳng trụ được trong “cảnh giới

chơn thật âm thính”, và chẳng giác ngộ đối với tất cả pháp. Đó là kẻ quay ngược xe mà lại muốn tiến lên. Làm sao cùng họ luận đạo được?

Để nói cho ông rõ, kinh há chẳng chép: Xưa có vị tiên gọi là Lộc Đề. Nhân vì trời mưa, đất trơn trượt, ông đi đường bị ngã. Giận tức, ông dùng chú tiên làm trời hạn hán. Trong nước ai cũng lo lắng, vua sai một cô gái được nhiều người ưa thích đến dụ dỗ ông. Khi dụ được, cô ta cỡi trên cổ ông vào thành. Liền đó mây ùn ùn từ bốn phương kéo đến, mưa tuôn xối xả đầy ngập. Ông tiên ấy tuy có thần thông chế ngự gió, có phép lấn áp cả tự nhiên mà không thể bỏ được sắc là vì còn thấy đó là người nữ. Trong khi Đức Thích Ca đối với người nữ là Da Du thì bảo “tương lai là Phật hiệu Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai”.

Người niệm Phật nếu chỉ thấy dung nhan cô gái yêu mà không nghĩ sắc vàng tốt của Phật Quang Tướng (chỉ nghĩ đó là người nữ mà không nghĩ đó là Phật vị lai) thì đánh mất yếu chỉ Thường Bất Khinh (không khinh), làm sao đạt được niệm Phật tam muội.

Lại như A na luật xưa đời quá khứ từng làm kẻ trộm. Một hôm vào tháp thờ Phật định trộm châu báu. Khi vào trong điện thờ thấy đèn bị lụn tim gần tắt. Ông bèn dùng que tre đẩy tim cao lên để đèn cháy sáng, không bị tắt. A na luật có nghĩa là “không tắt” có nguyên do từ đó. Tương lai, ông là Phật hiệu Phổ Minh Như Lai cũng từ nhân duyên ấy.

Người niệm Phật còn không khinh kẻ trộm huống lại khinh người không trộm. Thấy người nữ và kẻ trộm là hai vị Phật tương lai như mặt trời rực rỡ thì lo gì tam muội không thành.

III-THẤY NGƯỜI TRÌ GIỚI PHÁ GIỚI CHỈ SANH Ý TƯỚNG PHẬT.

Hỏi: Trường hợp hai loại người trì giới và phá giới khó hiểu. Kinh Phạm Võng nói: “Người nào thọ giới Phật thì vào hàng chư Phật”. Những vị xuất gia giữ tròn cấm giới như trăng rằm, như đeo ngọc anh lạc, được dự vào hàng Tam Bảo trong phạm vi Thất chúng là những bậc đáng kính. Còn với kẻ chẳng trì giới tinh nghiêm, hành động điên đảo sa đọa, ta há coi thường lỗi lầm của họ được ư, há mặc kệ tội ác của họ được ư? Mong ngài vì tôi phân giải.

Đáp: Đức Như Lai từng ở “Kinh Tam Muội Hải” nói với phụ vương rằng:

“Xưa có 4 tỳ kheo phạm luật vì hồ thẹn muốn buông xuôi không tu niệm, bỗng nghe trong hư không có tiếng nói: “Chỗ các người vi phạm cho rằng không cứu được là điều sai lầm. Đức Không Vương Như Lai tuy đã vào Niết bàn nhưng hình tượng vẫn còn. Các người hãy vào tháp nhứt tâm quán tưởng tướng bạch hào (lông trắng giữa hai chân mày) của thánh tượng!”. Các Tỳ kheo liền rơi lệ khóc nói rằng “Tượng Phật còn có năng lực kỳ diệu như vậy huống hồ chân dung của ngài (hình dáng chân thật)”, rồi gieo mình xuống đất đánh lễ như núi lớn ngã đổ. Các đấng chánh giác ở bốn phương hiện nay như A Súc Phật ở phương Đông, Bửu Tướng Phật ở phương Nam, Vô Lượng Thọ Phật ở phương Tây và Vi Diệu Thịnh Phật ở phương Bắc tức là bốn Tỳ kheo phá giới đó vậy”. Vì thế nên như Lai gọi pháp Quán Phật Tam Muội này là Đại Bảo Vương Giới Phẩm Hải có thể dùng để tẩy trừ tội lỗi như phá giới, chứng đắc sự thanh tịnh trong cõi trần lụy. Bốn Tỳ kheo ấy chỉ nhất tâm quán tưởng bửu tượng mà tất cả đều thành Đẳng Thế Tôn. Người niệm Phật há có thể sanh tâm nghi hoặc khinh thường đối với thầy Tăng phá giới ư?.

Kinh Đại Tập nói: “Nếu các vua quan đánh đập chửi mắng người xuất gia trì giới hoặc phá giới thì mắc tội giống như làm trăm ức thân Phật chảy máu. Khi thấy người đấp ca sa, không luận là trì giới hay phá giới chỉ nên khởi tưởng “người ấy là Phật”. Tưởng “người ấy là Phật” là niệm Phật tam muội. Đây là lời từ kim khẩu của Phật thuyết minh về tông chỉ Bất Khinh thâm diệu. Há dám đánh đập chửi mắng mà không sợ ư?

Kinh nói: “Thà để tâm bắt chước ta, chớ đừng bắt chước theo tâm”. Thấy người xan tham thì khởi tư tưởng bỏ thí. Thấy người phá giới thì khởi ý tưởng trì giới. Như vậy thì không bị cảnh giới lục tặc (tham sân...) trói buộc, lại thành tựu được pháp môn quán lục độ Ba La Mật. Nếu cứ trụ vào tâm phân biệt thì tự lãnh lấy hình phạt ở chốn minh ty (địa ngục), chẳng đáng buồn ư? Còn chuyển đổi tâm thấy biết ấy thì niệm Phật tam muội được thuận lợi như dòng sông xuôi chảy, chẳng đáng mừng sao?

IV- HIỆN ĐANG ĐỌA Ở ĐỊA NGỤC CŨNG VẪN ĐƯỢC THỌ KÝ.

Hỏi: Đối với kẻ phá giới quán Phật thành tựu Chánh Giác, không nên khinh thì có thể tin theo. Còn với kẻ đang đọa ở địa ngục hoặc vương trong đường ma quỷ không thể phát Bồ đề tâm, chưa có ngày đầu thai vào nẻo thiện, người niệm Phật há lại cung kính họ ư?

Đáp: Người há chẳng nghe: Muốn lấy thuốc quý phải lấy nơi núi hiểm, chẳng phải vườn hoa sân cảnh có được. Muốn thu hoạch pháp được cũng phải vào trong cõi hiểm, chẳng phải chốn vô vị tự sanh.

Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm có 4 loại thọ ký: Một là chưa phát tâm thọ ký, hai là mới phát tâm phát tâm thọ ký, ba là ngậm thọ ký, bốn là đối trước mặt thọ ký. Nay hiện còn đọa ở địa ngục tức là kẻ chưa phát tâm. Họ đều được Phật thọ ký tương lai sẽ phát đại trí, gặp chơn thiện hữu, hành Bồ Tát hạnh và cuối cùng thành Chánh giác; nên không thể khinh thường. Đây là kẻ chưa phát tâm được thọ ký vậy.

Lúc Phật nói 4 loại thọ ký, Ngài Ca Diếp bạch Phật: “Chúng con từ nay đối với tất cả chúng sanh đều sanh tư tưởng ‘Đây là Phật’, nếu còn khởi một tâm niệm khinh khi tức là tự làm tổn thương mình”. Phật nói: “Hay thay! Ông nói rất phải! Không ai lượng xét được chúng sanh, chỉ có Như Lai mới lượng biết được mà thôi. Vì nhân duyên như thế nên ta bảo các Thanh Văn và chư Bồ tát đối với chúng sanh nên khởi tưởng ‘đây là Phật’”. Trong Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Phổ Hiền Hạnh, phần Phá Bá Vạn Chướng môn cũng dùng tư tưởng này.

Như vậy thì kẻ hiện đang đọa trong đường ác được Phật thọ ký giống như nhà có báu vật, tuy cửa chưa mở, vẫn chẳng ngại gì đến ngọc báu bên trong; hay như trên trán có hột châu, dù có đánh nhau làm nó lún trong da, bên ngoài không còn thấy, nhưng hột châu vẫn chẳng mất.

Nếu chẳng nghĩ chúng sanh là Phật vị lai, tất coi lục trần là giặc cướp, thì khác nào muốn ngăn ma quân mà tự phá thành lũy mình (bỏ ý tưởng Phật) và giống như để nước địch sống chung khiến gây mãi mối oan cừu không dứt (giữ ý tưởng lục trần để phải chịu luân hồi sanh tử). Giáp sát chưa yên thì trống trận còn vang đầu thể nghĩ ngợi (trần còn động thì tâm không thành tam muội). Nếu khiến được kẻ chẳng hàng đến hàng, người không phục đều khuất phục thì có thể gom thiên hạ về một mối (nếu đem lục trần hoà hợp với tâm thì vào tam muội). Cờ đã được trương lên phát phối thì tất cả đều ồ ạt đi theo (khởi ý tưởng “tất cả là Phật vị lai” thì mọi chướng đều tiêu). Bấy giờ từ già yên ngựa về đồng quê vui cùng ruộng rẫy, mặt trời mọc thì làm, mặt trời lặn thì nghỉ (không còn gì bận bịu vương mắc, sống một cách tự tại). Như thế, dù là Thánh như vua Nghiêu cũng chẳng hơn ta được. Thấy bá tánh hằng ngày mà chẳng biết một ai (chẳng phân biệt xác thể khác nhau, chỉ thấy đều là Phật), lúc ấy mới rõ chỗ giáo hóa của Phật rộng khắp. Nếu ngộ được mọi thứ sắc thính hương... đều là Phật, nghĩ chúng sanh đều là Phật vị lai thì còn có cảnh tượng phạm tục nào đối ở trước tâm nữa. Cũng như tưởng tự thân là đấng Bốn Tôn thì nơi pháp “Du Già Chơn Ngôn Diệu Quán Môn” chẳng cầu mà đạt được vậy.

Như vậy do nghĩ tưởng mà có, đâu phải rồng không chẳng được gì. Từ đó mới có thể thấy rõ Đại bàng và chim sâu như nhau, thái sơn với lông hồng là một; không còn tâm hạn hẹp về giống nòi giòng họ, hết cả lo toan về sắc trần huyễn cảnh.

Hỏi: với kẻ đọa trong địa ngục chưa Phát Bồ đề tâm, Đức Như Lai tha thứ thọ ký cho họ thành tựu chánh giác với muôn ngàn hào quang tỏa chiếu, tròn đủ mười hiệu v.v. đúng như lời Phật nói thì ai dám không tin. Song họ vốn chưa tỉnh ngộ, vậy do đâu mà họ tỉnh ngộ.

Đáp: nói vốn chưa tỉnh ngộ cũng có nghĩa như nói: nguồn của Trường giang nước chỉ đầy chừng một chén, kẻ vốn rất mê vẫn còn đủ hai kiến (thân kiến, tà kiến). Nếu bảo rằng: ‘ngoài niệm là vô niệm, ngoài sanh là vô sanh’, tức sanh tử khác với Niết bàn thì muôn lời của Phật đều không dạy ai được. Còn rõ biết niệm mà vô niệm, sanh mà vô sanh, tức phiền não là Bồ đề thì ngay đấy ngộ được “nhứt tướng trang nghiêm”. Như bày ong trên núi, trong tổ toàn là mật, dưới giếng sâu thăm thăm lại có sẵn bảo châu. Đó đều là vốn có, chẳng phải mới sanh vậy.

Đã nghĩ tất cả là Phật vị lai thì tội từ đâu sanh được. Đã trải tâm ở khắp mọi duyên, thấy tất cả đều là Phật thì mọi thứ tham sân si... đã từng sanh ra, ngay đó làm sao còn được. Trong Kinh Như Lai Tạng, Phật bảo Kim cương Tuệ Bồ tát rằng: “Thiện nam tử, ta dùng Phật nhãn quán thấy trong tất cả chúng sanh phiền não tham sân si... có đủ Như Lai trí, Như Lai nhãn, Như Lai thân, vững ngồi kiết già bất động... cho đến có đủ

các đức tướng của Như Lai không khác”. Rồi ngài rộng nói: “Tất cả chúng sanh đều có Như lai tạng” và dùng 9 ví dụ để hiển rõ. Trong Bửu tánh Luận có giải thích ý nghĩa này và kết luận bằng lời kệ tụng rằng:

“Trong hoa héo ẩn tàng chư Phật,
Giữa phân nhơ cũng có Kim thân,
Như trong đất hàm tàng trân bảo,
Như hạt sen sẵn có mầm non,
Ngay cây mục vẫn đủ Ca Sa,
Trong ràng buộc vốn đầy Phật tượng
Ở con gái nghèo hèn xấu xí,
Sẵn có hình Thánh Chuyển Luân Vương,
Ngay trong chỗ than bùn đen cháy,
Đều đủ đầy tượng báu Như Lai,
Trong chúng sanh còn tham sân si,
Đầy vọng tưởng đảo điên phiền não,
Cùng mọi cảnh trần lao ô nhiễm,
Đều sẵn đủ đầy Như Lai Tạng
Dưới chí đên a tỳ địa ngục,
Cũng đều có cả Như Lai Thân,
Các pháp chơn như thuần thanh tịnh,
Được gọi tên là Như Lai Thể”.

Kệ văn này đủ chứng minh việc thọ ký kẻ còn ở địa ngục sẽ bừng khởi giác ngộ, tự nhiên thấu suốt các môn tam muội.

Hỏi: người dụng tâm tu tập phải giữ tâm luôn bằng an thanh tịnh, dứt bật sự phan duyên. Ở đây lại nói nên trải tâm duyên khắp tất cả và thấy mọi thứ đều là Như Lai. Chỗ nào dạy như thế?

Đáp: Đã có lời dạy rằng: Khởi tâm duyên khắp lục trần tam nghiệp đồng thời phát nguyện “được vào cảnh giới Phật” mỗi lúc duyên ra đều chẳng lìa Như Lai nên nói “Đều thấy là Như Lai”. Đây là cái thấy viên mãn, chẳng phải thấy bằng mắt. Nên kinh Niết Bàn nói: “Hàng Thanh Văn tuy có Thiên nhãn mà vẫn gọi là nhục nhãn, hàng Hữu học Đại thừa tuy chỉ có nhục nhãn mà được gọi là Phật nhãn. Vì sao? Vì thấu rõ mình có Phật tánh vậy”.

Lại trong Kinh Thắng Thiên Vương, Phật bảo Thiên Vương rằng: “Bồ tát ma ha tát dùng sức phương tiện thực hành Bát nhã ba la mật đối với tất cả pháp, tâm duyên tự tại. Duyên với sắc thì nguyện được sắc tướng vô sở đắc của Phật. Tâm duyên với thanh thì nguyện có được âm thanh vi diệu của Như Lai. Duyên với hương thì tâm nguyện đạt được giới hương thanh tịnh của Như Lai. Duyên với vị thì nguyện thành tựu được tướng đại trượng phu trong các vị của Như Lai. Duyên với xúc thì nguyện được bàn tay mềm dịu (không chấp trước) của Như Lai. Duyên với pháp thì nguyện chứng được tâm tịch tịnh của Như Lai. Duyên vào thân mình thì nguyện được thân của Phật. Duyên đến miệng mình thì nguyện được miệng của chư Phật. Duyên lại ý mình thì nguyện được ý bình đẳng của Phật”. “Thiên vương! Bồ tát ma ha tát thực hành bát nhã ba la mật không có một tâm một hạnh nào trải qua một cách trống rỗng chẳng hưởng về trí tuệ, tâm duyên khắp các pháp mà chẳng dính mắc vào các pháp được quán thấy và không lúc nào chẳng hưởng về đạo bồ đề. Bồ tát tu tập các hạnh đều do các duyên bên ngoài mà được thành tựu. Giống như đất bằng nằm trên một vùng nước rộng nếu đào ao giếng thì sẽ được nước, còn chẳng đào thì không do đâu mà thấy nước được. Cũng như vậy, cảnh giới Thánh trí có ở khắp cả pháp nếu chuyên cần tu bát nhã phương tiện thì chứng được, còn không tu thì chẳng làm sao mà đạt được”.

Như vậy, ý nghĩa tâm duyên vào các pháp há chẳng quan trọng ư?

V- QUÁN KHÔNG, VÔ NGÃ CHỌN THIỆN MÀ THEO

Hỏi: Động mà tịnh, tịnh là chủ của động. Phạm mà Thánh. Thánh ẩn ở trong phạm. Xin nghe theo ý chỉ sâu xa ấy. Còn vấn đề vô ngã của tam giáo (nhờ, đạo, Phật,) lý đã không khác và việc chọn thiện để theo, cả hai có nghĩa như thế nào?

Đáp: Về lý vô ngã, 3 giáo (nho, đạo và Phật) đều chưa từng khác cũng chưa từng giống. Song Khổng giáo thì lấy nghĩa khiêm hạ sáng suốt làm vô ngã, Đạo giáo lấy chỗ trường tồn không đoạn kết là vô ngã, Phật giáo thì lấy quán “ngũ uẩn giai không” làm vô ngã.

Hai giáo trước (Nho và Đạo) đều chẳng thấu rõ ngũ uẩn, chẳng biện biệt được Tứ đế, lục độ vạn hạnh. Về tầng bậc Thánh Hiền, trong hai giáo này bỏ qua không nói đến, chỉ có Phật giáo mới diễn tả Thánh là bậc hòa quang đồng trần (hoà lẫn với thế gian nhưng sáng suốt), luôn giữ lấy vẻ mềm dịu yên lặng, đã từ hoà lại kiệm ước, không xông xáo trong vòng tranh đua thế sự. Ở mỗi bậc thánh trong Phật giáo này, xét theo phương diện động dụng thì có cạn sâu khác nhau. Đó là nói về vô ngã của ba giáo.

Việc chọn thiện mà theo là nói về lý 3 tánh: thiện, ác và vô ký. Lý này không đâu không có (cả 3 giáo đều có) người tu tâm nên chọn thiện mà theo. Bởi vì đối với pháp chí chơn, điều bất thiện gây ra nhiều bất lợi; còn vô ký thì làm mất hết cả hai thiện và ác. Mọi sự trái loạn lý Phật chẳng gì chẳng do hai tánh (ác và vô ký) này nên Thánh nhân trừ bỏ chúng, không theo. Do đó Kinh Niết bàn nói: “Kẻ nhưt siển đề tâm chẳng duyên đến một pháp thiện nào, đến nỗi chẳng sanh một niệm thiện”. Thế thì biết: đối với niệm Phật tam muội, điều thiện là pháp tối thượng, là hạnh đứng đầu trong muôn hạnh, nên nói “Thiện là vua của tam muội” vậy.

VI- KHÔNG CÓ THIỆN ĐỂ CHỌN KHÔNG CÓ ÁC ĐỂ BỎ.

Hỏi: Nếu chọn thiện mà theo thì đâu khác gì: chọn thiện chư Phật bỏ ác chúng sanh (chọn Phật bỏ chúng sanh), làm sao gọi là “niệm chư Phật vị lai (chúng sanh) đồng như niệm chư Phật quá khứ hiện tại” được?

Đáp: Ngay câu hỏi đó đã tự trả lời cho tôi rồi. Vì sao? Vì chọn thiện mà theo thì bắt đắc dĩ mà nói vậy. Có nghĩa, kẻ trí lực yếu lại mang nghiệp chướng nặng nề không thể thấy “ác mà thiện” được, không thấy “vọng mà chơn” được nên phải chọn lựa cho mình bạch. Còn nếu người đã từng niệm Phật vị lai hợp cùng hạnh bất khinh, đã thấy được đất trời như một ngón tay không phân cách, vạn vật như con ngựa độc nhất không gì sai biệt, thấy chúng sanh đều là Phật và cõi này thường thanh tịnh hoàn toàn khác cái nhìn đất bùn sỏi đá của Thu Tử (Xá lợi Phất), đồng một cái thấy trân bảo trang nghiêm của Phạm Vương Thiên, như thế thì đã đến chỗ cùng tốt của việc chọn thiện và không còn ác để xả vậy. Đây chính là chỗ mà ngài Thiên Thai Trí Giả dẫn chứng khi ngài giảng Kinh Pháp Hoa nói về diệu lý tuyệt đối:

“Chúng sanh thì thấy kiếp cùng tận

Như lúc bị đại hỏa đốt thiêu

Còn ta thấy cõi này an ổn

Thường xuyên có các bậc đại nhân

Vườn rừng với nhà cửa lâu đài

Có nhiều thứ báu rất trang nghiêm”.

Kinh Thắng Thiên Vương lại nói: “Chỗ của Phật an trụ vốn thật không phải cõi nhơ. Vì chúng sanh bị phiền não bức bách ràng buộc mà thấy là bất tịnh”. Cũng một ý ấy vậy

Tiếng Phạn là namo (nam mô), tàu dịch là Qui mạng (Kính nương về). Tiếng Phạn Amita (Adidà), tàu dịch là Vô lượng Thọ tam thế chư Phật, Há chỉ riêng kính một Phật là Vô Lượng Thọ sao. Nay đồng niệm tam thế Di Đà (Di đà quá hiện lai vị) nguyện đồng sanh mười phương Cực lạc có gì đâu chẳng được mà muốn bỏ lối nhanh theo đường chậm lụt (chỉ nghĩ một Phật, mà không nghĩ tất cả là Di Đà). Chỉ như thế, mới bùng được ngọn lửa tam muội đốt cháy; không một mảy may ong muỗi tri kiến hư vọng nào còn sót lại; mới giống được tiếng chuông thập niên ngân vang, không giây phút nghỉ ngưng xung hiệu Phật, mới thấy rõ ràng chúng sanh là Phật. Niệm Di Đà suốt 3 đời (tam thế Di Đà) đã được như thế thì niệm Chư Phật Bồ Tát há chẳng được như vậy ư!

Hỏi: Niệm Phật vị lai không khác gì niệm Phật quá khứ và hiện tại, ý nghĩa thế nào, xin được nghe biết?

Đáp: Hoa Nghiêm Kinh nói: “Tất cả các Như Lai đồng chung một pháp thân, một tâm, một trí huệ, lực và vô úy cũng vậy”. Trong kinh Lăng già có kệ nói: “Ca Diếp, Câu Lưu Tôn, Câu na hàm cả ta có 4 thứ bình đẳng. Ta nói cho Phật tử, bốn thứ bình đẳng là: một chữ bình đẳng: có nghĩa đều được gọi là Phật; hai - lời bình đẳng tức đều đầy đủ tướng Phạm âm thanh Ca-Lăng-tân-già; ba - pháp bình đẳng là đều chứng đắc rốt ráo các pháp Bồ đề phần và trí vô chướng ngại; bốn - thân bình đẳng là tất cả đều có pháp thân và tướng sắc thanh tốt đẹp không sai biệt”.

Khởi Tín Luận nói: “Do đường đi nên thấy đôi chớ phương hướng thật không đôi”. Như vậy, khi nhận ra (ngộ) chỉ cần nhận ra một hướng thì tất cả Phật đều đúng, khi niệm chỉ cần niệm một Phật thì tất cả Phật đều hiện tiền.

Kinh nói: nước chảy thẳng lên, trăng chẳng rớt xuống. Do nhân duyên ánh sáng của trăng và sự lặng lẽ của nước mà mặt trăng lơ lửng giữa hư không mới hiện ở trong nước. Cũng vậy; Phật chẳng đến đây, ta cũng chẳng đi. Chỉ do nhân duyên niệm Phật, mà mặt trăng Như Lai mới hiện trong nước tâm ta. Đồng một ý này, tụng chép:

“Bồ tát như trăng trong lành mát

Vận hành nơi cứu cánh hư không

Nước tâm chúng sanh khi tịch tịnh

Bóng Bồ đề sẽ hiện vào trong.”

(Bồ tát thanh lương nguyệt

Thường du tất cảnh không

Chúng sanh tâm thủy tịnh

Bồ đề ảnh hiện trung).

VII-KHÔNG NÊN ĂN THỊT CHÚNG SINH.

Hỏi: Thịt là thức ăn của con người. Sao người niệm Phật lại không ăn?

Đáp: Ngày xưa vua Thi Tỳ còn tự leo lên giá cân, cân thịt mình để cứu chim bồ câu, bởi vua nghĩ mình và chim tuy khác loài nhưng vẫn cùng một tánh bảo thủ mạng sống. Lẽ nào ta nay lại ăn thịt chúng để nuôi dưỡng thân hư hoại này mà vô tư không biết gì đến nỗi sợ hãi của chúng ư. Nếu đã hiểu được chúng đều là Phật vị lai thì ai còn làm các việc sẵn môi bẫy thú để phải mang lấy cái chết đọa lạc như phù du vào lửa. Trong Kinh Lăng già, phẩm Phật Ngữ Tâm chép:

“Vì lợi mà giết chúng sanh	“Vì lợi mà giết chúng sanh
“Vì lợi mà giết chúng sanh	“Vì lợi mà giết chúng sanh

Theo đó mà biết, nếu chẳng đặt ra việc tiền tài thì các việc bắt và giết tự chấm dứt vậy.

Thế nên Ngài Long Thọ không bao giờ coi thường cả con chim nhỏ, bậc Cao Tăng chẳng dẫm đạp kiến trùng. Có ai hỏi lý do thì các ngài đáp rằng: “Chúng và ta cùng ở trong sanh tử. Biết đâu chúng thành Chánh giác trước ta. Chẳng nên khinh thường chúng vậy”. Khinh thường còn không nên, há lại cướp lấy máu thịt của chúng để ăn ư?

Bửu Tánh luận chép: [Trong Kinh Như Lai Tạng, Phật bảo xá lợi Phật rằng: “Chúng sanh là đệ nhứt nghĩa đế, là Như Lai Tạng, là Pháp thân, là Bồ đề”]

Chúng ta khác nào như con chó chạy theo vật động trước mắt, chẳng biết nhắm ngay vào người nên vật ấy không bao giờ ngừng.(vì vật này do người ấy giết đây); Chỉ biết niệm Phật quá khứ hiện tại chẳng chịu niệm Phật vị lai (chẳng kính trọng chúng sanh) nên tâm khinh mạn không đoạn dứt được. Nếu biết làm như Sư tử nhắm ngay vào người thì vật ấy tự ngưng, biết tưởng niệm chúng sanh là Phật vị lai thì tâm khinh mạn dứt vậy.

Song đã nghe lẽ Kính Khinh rồi, để cái đôi mà lại đôi kính ra khinh, coi cha mẹ ngang bằng kẻ bình thường thì thành kẻ đại nghịch; còn đôi khinh ra kính, coi người bình thường ngang bằng cha mẹ thì là người đại hiếu. Do đó Kinh Phạm Võng nói: “Sáu đường chúng đều là Cha mẹ ta, hiệu gọi là giới”. Ý muốn nói về việc này vậy.

Đối với việc xem chúng sanh là Phật vị lai, thì bảo rằng “Chúng sanh là cha mẹ” đó chỉ mới nói chỗ gần thôi. Nếu có thể như chú Sa di cứu kiến khiến thọ mạng ngắn trở nên dài, có thể đồng làm như Lưu Thủy trưởng giả cứu cá cảm hoa trời rơi xuống như mưa, bỏ cái thấy là chúng sanh từ vô thủy kiếp”, chỉ nghĩ đó là thân của đức Phật tương lai, biết trong phân nhơ vốn có vàng ròng, tin giữa mây dày có vàng trắng sáng thì cái “sương mù” ăn thịt, cái “bụi khói” sanh tử sẽ bị “ngọn gió” trí tuệ trong “bầu trời” tam muội quét sạch Phạm võng Kinh nói: “Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành. Thường có lòng tin như thế, thì giới phẩm được trọn vẹn”. Sao chẳng nghĩ suy?

Hỏi: Thịt không thể ăn thì tin được rồi. Còn ngũ tân thì thế nào?

Đáp: Lời Phật dạy rõ ràng. Trong Kinh Đại Phật đánh chép [Phật bảo A Nan “năm thứ cay nồng này ăn chín thì phát dâm, còn ăn sống thì tăng nóng giận. Người ăn ngũ tân giả như đọc tụng 12 bộ Kinh thì mười phương Thiên thiên đều do ghét mùi hôi như ấy mà tránh xa cả. Các naga quỷ vì thấy người ấy ăn ngũ tân nên đến liếp môi mép họ. Họ thường chung đụng với quỷ, mặt trời phước đức dần dần lặn mất làm tăng trưởng nhiều điều bất lợi. Người ăn ngũ tân này khi tu Tam ma địa (Samadi), các Bồ tát Thiên Tiên trong mười phương cũng không đến bảo hộ được, bọn ma vương có nhiều dịp để quấy phá”. Phật lại bảo A Nan: “Người tu đạo bỏ để bỏ vĩnh viễn ngũ tân được gọi là người tu hành có trình tự tiên nhanh nhất”]. Đây là lời từ Kim Khẩu của Phật, há chẳng thành thật ư?

Với rượu, cố nhiên chẳng cần nói cũng phải biết.

Trong Kinh Bách Dụ chép: Xưa có người nghèo đi đường gặp túi tiền vàng. Ông ta rất vui mừng liền đếm tới đêm lui. Ông đếm chưa xong, người chủ túi tiền bỗng lấy lại hết rồi đi. Ông ta mới hỏi hận “sao mình chẳng đi sớm?” rồi trong lòng buồn tức, đáng vẻ rất là khổ não. Người gặp Phật pháp cũng như thế. Tuy được gặp Tam Bảo mà chẳng chuyên cần tu hành, chỉ ham thích nghe nhiều. Lúc ấy chợt mạng chung sẽ đọa vào ba đường ác, khác nào kẻ ngu kia bị người chủ lấy hết tiền rồi bỏ đi vậy. Kệ viết:

“Hôm nay lo việc này	Ngày mai lo việc kia
Vui đắm chẳng thấy khổ	Bất ngờ giặc chết đến
Vội vàng lo các việc	Phàm nhân đến thế cả
So kẻ đếm tiền kia	Việc này cũng như vậy”.

Bảy điều trên đều nói về niệm chư Phật vị lai để thấu suốt ý nghĩa tam thế chư Phật. Nếu thích niệm Phật Di Lặc thì được sanh lên cung trời Đâu suất gặp ngài Từ Thị. Đây là chỗ ngài Di Thiên Thích Đạo An tán thán vậy.

VIII- NIỆM CHUYÊN CHÚ 1 CẢNH PHẬT HIỆN TẠI

Hỏi: Về niệm Phật vị lai tức là Chúng sanh, đã biết rõ huyền nghĩa và sự lý sâu rộng rồi. Song, sợ niệm như thế tâm tán loạn khó kiểm soát. Nay muốn hợp nhất bằng cách chuyên hướng về Tây phương niệm một Phật Di Đà ngõ hầu đến được địa vị bất thối, dứt trừ tâm hữu lậu, bơi chiếc xuồng con ở ao Huỳnh Kim, lễ đức Di Đà trong điện Bạch Ngọc, thấu suốt được ba đời, thấm nhuần ngôi cửu phẩm. Như thế có được hay chăng?

Đáp: Trong Thập Trụ Bà Sa Luận của Long Thọ Bồ Tát viết để giải thích Kinh Hoa Nghiêm, phần luận về hạnh dễ hành có nói: “Bồ tát đạo có hạnh khó hành như bơi xuồng trên lộ, cũng có hạnh dễ hành như chèo

ghe dưới nước. Đức Phật A Di Đà vốn có nguyện lực. Nếu ai nghe đến danh hiệu của ngài rồi xưng niệm tự muốn về nước ấy thì khác nào như ghe gặp nước, lại được thuận gió, phút chốc vượt cả ngàn dặm, rất là dễ dàng. Nhờ thế mà phụ vương và quyền thuộc của Đức Thích Ca Như lai gồm 6 muôn người họ Thích đều sanh về cõi Cực lạc cả. Bởi vì Phật A Di Đà cùng với chúng sanh ở cõi này có nhân duyên rất sâu xa”. Như vậy, chuyên chú niệm một cảnh ấy cũng là phương pháp rất hay để thấu suốt trọn vẹn ba đời chư Phật.

Hỏi: Chuyên chú niệm một cảnh thì thấu suốt trọn vẹn ba đời là điều chắc thật rồi. Song, xưng niệm tự muốn vãng sanh về nước ấy cũng là việc hữu vi hư ngụy như gió nhiều sóng to, làm tâm thêm loạn. Vì sao không bỏ các ý tưởng giống ruồi bên ngoài ấy, chỉ gom tâm vào trong cho hợp với yếu chỉ vô vi?

Đáp: Hữu vi tuy hư ngụy nhưng xả bỏ thì đạo nghiệp không thành. Vô vi tuy chơn thật nhưng chấp thủ thì tuệ tâm cũng chẳng sáng. Kinh nói: “Chán lia công đức hữu vi tức là ma nghiệp, đắm thích công đức vô vi cũng là ma nghiệp”. Nay người còn có tâm chán thích thì làm sao ra ngoài vòng ma.

Lại như thấy Thánh Hiền nhiếp tâm mà gọi là trong, thấy phàm phu giống ruồi tư tưởng mà bảo là ngoài. Rồi cho rằng “duyên ra là loạn, trụ vào là định” thì cũng là cái giống ruồi trong ngoài, chẳng phải ý chỉ nhiếp tâm của niệm Phật tam muội. Khi giải nghĩa kinh Duy ma, ngài La Thập pháp sư có kể: “Ở một nước nọ có một cô gái, thân mình màu vàng ròng. Cô ta được con một trưởng giả tên là Đạt-mô-đa-la đem ngàn lượng vàng làm lễ mời vào rừng trúc cùng đi. Bấy giờ ngài Văn Thù Bồ Tát hiện thân làm một người cư sĩ mặc y phục bằng ngọc báu đứng ở giữa đường. Cô gái trong thấy, trong tâm liền khởi lòng tham. Ngài Văn Thù đoán biết nên nói rằng: “Cô muốn được y này phải phát tâm bồ đề”. Cô gái hỏi: “Thế nào là tâm bồ đề?” Ngài Văn Thù đáp: “Chính là thân cô”. Cô gái hỏi: “Sao là thân tôi?”, ngài Văn Thù trả lời: “Tánh của Bồ đề là không, thân của cô cũng không nên tâm bồ đề là thân cô vậy”. Cô gái này đã từng ở nơi đức Phật Ca Diếp gieo trồng nhiều căn lành, rộng tu trí tuệ nên nghe lời ấy rồi liền chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. Đắc xong Pháp Nhẫn, cô bèn bày tỏ lỗi lầm ham muốn của mình, sau đó quay ra đi với con trưởng giả vào rừng. Khi đã vào trong rừng, cô hoá hiện thân mình chết, sinh trưởng hôi thối. Người con trưởng giả thấy vậy rất ghê sợ, bèn đi đến chỗ Phật. Đức Phật vì ông nói pháp. Ông cũng chứng đắc Vô sanh pháp nhẫn”.

Chưa thành tựu Đại giác tức chưa rảnh việc làm nên gọi là nhân. Quán thật tướng của thân mình và thật tướng của thân Phật, thì thân người nữ là không, thân Phật cũng không, chưa từng có dị biệt. Cũng thế, nghĩa của bồ đề há có dị biệt sao?

Vậy thì tất cả hữu vi đều là vô vi, mọi thứ trong ngoài đều chẳng phải trong ngoài. Song, tại hữu mà chưa từng có hữu, hữu mà thường vô; ở nơi vô mà chưa từng vô, vô mà luôn luôn hữu, như thế thì lo gì Phật có tướng, tâm có niệm.

IX – ĐỜI NÀY ĐỜI SAU TÙY THUỘC MỘT NIỆM VÀ MƯỜI NIỆM.

Hỏi: Vấn đề dễ hành, khó hành và quán thân là bồ đề, yếu chỉ ấy đã rõ ràng không còn thắc mắc nữa. Xét nghĩ, con người sống trong thế gian, thế gian thoáng mau như chớp lóe lửa xẹt, một niệm sai lạc rồi thì ăn năn không kịp. Người tu đạo đã không yêu tiếc tâm há lại yêu luyến thân, thân mình còn không thương yêu há lại thương yêu thân ngoài ư? Thường sợ hơi thở đi ra rồi không trở lại phải thuộc đời sau như cỏ bông trong gió cuốn mờ mịt không biết về đâu. Xin ngài chỉ bày pháp một niệm và mười niệm ngõ hầu dự bị cho đời này và đời sau.

Đáp: Gặp được pháp môn tịnh độ là có phước nghiệp và công đức lớn vậy. Hàng nhị thừa ngưng thần trong cảnh giới hư vô, đắm trước ngoạn không sợ hãi các tướng, chẳng nghĩ đến chúng sanh nên không có tịnh độ. Chỉ có đại thừa mới có Tịnh độ mà thôi.

Kinh Bi Hoa nói: “Phật A Di Đà, thưở xưa là vua Chuyển Luân tên Vô Tránh Niệm có đủ các báu và ngàn người con. Nhờ có Đại Thân Bảo Hải làm Thiện tri thức, nên ngài ở nơi đức Phật Bảo Tạng phát bồ đề tâm, nguyện giữ lấy cõi Tây phương Cực lạc tịnh độ”. Trong tất cả các kinh, những vị Phật Bồ Tát Thịnh Văn đều là ngàn người con của ngài thưở xưa cả. Trong đó vị thái tử đều tên Bất Thuần tức ngài Quán Thế Âm. Vị kế tên Ma ni là ngài Đại Thế Chí. Vị kế nữa tên Vương Chúng là ngài Văn Thù Sư Lợi. Vị kế nữa tên Năng-già-nô là ngài Kim Cương Trí Tuệ Quang minh Bồ Tát. Vị kế nữa tên Vô Úy tức là Liên Hoa Tôn Như Lai. Vị kế nữa tên Am-bà-la tức Hư Không Quang Minh Bồ Tát. Vị kế nữa tên Thiện Tý tức Sư Tử Hương Bồ Tát. Vị kế nữa tên Miên đồ tức ngài Phổ Hiền Bồ Tát. Vị kế nữa tên Mật-Tô tức là Phật A Súc.

Ngài Vương tử Mật-tô từ khi phát tâm đến nay, mỗi lúc đi, ở từng bước chân từng tâm niệm đều luôn niệm chư Phật. Hiện nay ngài đã thành Chánh giác sanh về cõi Diệu Lạc. Chúng ta đây cũng thấy mình đi trên đường rộng, bước chỗ rừng sâu thì có khác gì cái thấy của Ngài Mật tô. Như vậy lúc vào nơi náo nhiệt, khi đi chỗ bình yên, với đủ vẻ trang nghiêm hay đang ngựa xe vội vã há chẳng thể dụng tâm niệm Phật trong từng bước một được ư? Được thế thì so với xưa, tiết tháo vẫn không sai khác vậy.

Phàm lúc uống ăn, làm việc, giao tiếp trong vòng sanh tử, không ai không có hơi thở ra vào. Một hơi thở ra mà không trở lại thì thuộc đời sau đúng như điều ở trên đã hỏi. Người ở đời phần nhiều dùng ngọc báu, thủy tinh, kim cương, hột bồ đề hoặc các thứ cây để làm chuỗi. Chúng ta nếu lấy hơi thở làm chuỗi, tùy theo hơi thở mà xưng niệm Phật tức có chỗ nương nhờ thì đâu còn sợ “hơi thở không trở vào liền thuộc đời sau” (chẳng còn lo tái sanh). Tôi thường đi đứng nằm ngồi đều dùng chuỗi hơi thở này, giả như có ngủ mê thì ngậm Phật mà ngủ, tỉnh dậy liền tiếp tục. Như thế chắc chắn trong mộng sẽ được thấy Phật. Như cọ cây lấy lửa, khói là tướng trước của lửa, thấy có khói thì lửa sẽ có; cũng vậy trong mộng thấy Phật thường xuyên thì tam muội chắc chắn thành, tương lai chắc chắn được tận mặt thấy đức Phật Di Đà, được thân cận ngài và được ngài thọ ký. Được như thế thì muôn việc chẳng mất một điều gì vậy. người hãy nên cố gắng!

Hỏi: Một niệm vãng sanh và mười niệm vãng sanh, điều nào đúng?

Đáp: Chỉ một niệm được vãng sanh trụ vào hàng bất thối. Đây là điều đúng vậy, như Phật nói: “báng Phật, hủy kinh, đánh tăng, chửi thánh, làm tội ngũ nghịch tứ trọng đều chỉ một niệm mà ác nghiệp thành tựu, đọa vào vô gián địa ngục nhanh như tên bắn. Nay niệm Phật sanh về tịnh độ, cũng chỉ một niệm mà thiện nghiệp thành tựu, vãng sanh cực lạc chóng tợ co tay. Một niệm trước ngũ âm diệt, một niệm sau ngũ âm sanh giống như sáp đèn cây dính vào vật, sáp hết thì thành dầu. Như thế còn chẳng cần đến hai niệm há cần đến mười niệm ư?”

Lại một niệm như kinh nói: Chú Sa di thích ăn Lạc tô, chỉ vì khởi một tâm niệm ham muốn mà sau bị sạnh làm con trùng trong lạc tô. Hay như vợ trưởng giả Đại-Tát-bà ngồi soi gương tự yêu thích thân mình, sau đi trên biển bị gió thổi lật thuyền làm chết đuối, sanh làm trùng trong tử thi của mình, cứ vui chơi qua lại chẳng rời tử thi ấy. Đó đều là một niệm chẳng phải mười niệm.

Lại Kinh Đại Vô Lượng Thọ nói: “Chỉ một niệm niệm Phật cũng đều được vãng sanh”. Trong Quán kinh nói mười niệm là có lý do. Bởi người mắc bệnh gầy yếu, sức kém, tâm yếu đuối cần phải xưng 10 lần đức Di Đà để trợ lực cho tâm niệm bên trong. Nếu kẻ có tâm mạnh mẽ không mê muội thì chỉ được một niệm liền được vãng sanh.

X-TÂM NÀY LÀ PHẬT, TÂM NÀY LÀM PHẬT

Hỏi: Kinh đã nói: “Tâm này là Phật, tâm này làm Phật”, sao lại còn dụng tâm xưng niệm Di Đà, giữ tư tưởng nơi nước Cực lạc xa xôi? Và lại niệm Phật hiện tại và khởi cung kính Phật ở vị lai đều là cầu bên ngoài làm sao gọi “tâm này là Phật” được?

Đáp: Ông hỏi như thế chẳng đúng! Ông chỉ biết dẫn Kinh mà chẳng biết chỗ qui thú của Kinh. Câu ấy ở trong Quán Vô Lượng Thọ Phật kinh là kinh nói về niệm Phật A Di Đà. Vì niệm Phật, Phật tử tư tưởng sanh ra nên nói “tâm này là Phật”. sao lại trộm lấy pháp quán Di Đà rồi trở lại bêu rêu tâm Di Đà. Nếu hiểu như thế thì chẳng niệm Phật vẫn bảo rằng tâm là Phật, chẳng tưởng ác lại nói rằng tâm là ác được sao? Cả hai đều đã chẳng phải như vậy. Huống hồ đối với đức Di Đà, 10 vạn ức núi tu di chẳng ngăn được nhãn căn của ngài, hà sa tướng hảo quang minh đều do nguyện lực tạo thành; và đối với Cực Lạc, chỉ trong khoảng co cánh tay liền được vãng sanh, sao còn lo ngại phương ấy gần xa?

Hỏi: Xin nghe theo sự giảng giải về lý “Tâm này là Phật” của ngài. Song, về 16 pháp quán trong kinh này trình bày thì có thể tưởng bằng, mặt trời, núi vàng sáng chói...; còn ánh sáng ma ánh sáng Phật, quán của mình, quán của người có tà chánh lẫn lộn nếu cả hai đều trong lặng thì làm sao phân biệt. Xin ngài chỉ bày các việc này để người niệm Phật tu tập một mình không gần thầy có thể tự an tâm.

Đáp: Tưởng về bằng là gốc để mở rộng tưởng đến đất lưu ly, tưởng mặt trời để dần dần tưởng đến ánh sáng bạch hào. Ý theo tư tưởng mà hiện thì gọi là của mình là chánh. Còn chẳng hiện đúng với sự tưởng tượng thì

gọi là cửa kẻ khác, là tà. Như vốn tướng về bạch hào, bạch hào chưa hiện rõ; trong khi chưa tướng về mắt xanh mà mắt xanh lại hiện ra, như thế là trái với tâm gốc, gọi là tà. Tướng tượng về các thứ khác cũng vậy.

Lại nữa, ánh sáng ma thì có bóng và chóa mắt, ánh sáng Phật thì không có bóng và chẳng chóa mắt. Nên trong Lăng Già Kinh có kệ nói:

“Cõi Phật hơn tất cả	Rất thanh tịnh trang nghiêm
Rực rỡ như lửa hừng	Quang minh soi cùng khắp
Sáng bừng không hại mắt	Bao trùm hết ba cõi”.

Hỏi: Như thế thì ánh sáng bừng chiếu làm hại mắt là ma, còn ánh sáng không chóa mắt là Phật phải chăng?

Đáp: Nếu là ánh sáng chơn thì nó làm cho thân tâm người niệm Phật được lặng trong thanh tịnh. Còn ánh sáng ngụy thì khiến người niệm Phật tâm xao động hoảng hốt. Do đó kinh Niết Bàn nói: “Trong ngàn thanh tịnh là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như lai”.

Hỏi: Đấng Chí Nhon (Thánh) vô tư, ta nay lại dùng tướng há chẳng sai lầm ư?

Đáp: Chẳng sai lầm. Như Kinh Đại Uy Đức Đà la ni nói: “Muốn vượt ngoài sự ràng buộc của các cõi phải phát tâm ham thích tướng nghĩ điều vô dục”. Nay cũng vậy, muốn tu niệm Phật cũng phải phát tâm tướng nghĩ điều vô tướng. Vì lẽ đó mà Kinh Phương Đẳng Phổ Hiền nói: “Lòng ham muốn ác, tướng về người nữ thì mộng thấy người nữ; lòng ham thích thiện; tướng đến Phật thì mộng thấy Phật”.

Nên biết hai tư tướng ấy tuy đồng là tướng mà có thiện ác cách biệt như trời vực. Đừng nghe nói “đó là tướng” rồi chán bỏ. Nếu chán bỏ tướng thì tuy chẳng hủy kinh báng Phật cũng vẫn chỉ sanh vào cõi trời cô tướng. Nếu cứ cố chấp vô tướng rồi dèm chê việc tướng Phật thì gọi là báng Pháp. Báng pháp thì đọa trong tù ngục ở mười phương không có ngày ra, há có thiên cung để mong cầu. Giả như được sanh lên cõi trời vô tướng ấy thì cũng gọi là ngoại đạo thiên, chẳng phải đường giải thoát.

Niết bàn kinh nói: “Nghe nhằm tiếng trống độc, gần xa đều chết cả”. Điều này cũng như vậy. người nào bỏ tư tướng thì gần xa đều sa đọa. Kinh nói: “Có khi cách mặt đất một thước hai thước du hành qua lại” là ý nói chỗ này. Như thế thì làm sao khỏi trôi lăn trong ba cõi, đồng vãng sanh vào cửa phẩm liên hoa. Huống hồ làm chìm ghe, làm nổi ghe đều do nước; nguyên nhân vấp ngã, nguyên nhân đứng dậy là đất; Cũng vậy tư tướng vọng là chúng sanh, tư tướng chơn là Phật, lìa ngoài tư tướng thì lấy gì mà dùng.

Hỏi: Sự đã giải xong, còn lý thì thế nào? Như Kinh Ban Châu tam muội nói: “Tâm khởi tư tướng tức là si mê, vô tướng là Niết bàn”. Nay nói phải dùng tư tướng thì chẳng trái với kinh sao?

Đáp: Chẳng trái. Vì giữ tư tướng Phật, tâm thường nghĩ tướng đến Phật thì chẳng phải si. Chỉ có bỏ tư tướng Phật lấy tư tướng ác và chấp thủ cái Không làm vô tướng mới là điều rất si mê. Chúng ta nay rõ biết Phật từ tư tướng sanh, vốn thật không có Phật không có tướng, như thế thì có gì là si. Đó là quán “Không tam muội” là chẳng tà kiến vậy.

Ông lại hỏi về lý, tôi nói cho ông rõ. Người đã thể nhập được thể tánh chơn thật lặng lẽ thì tâm thường rỗng rang như hư không, tuy vạn pháp soi chiếu mà tâm chưa từng có niệm. Ấy là Chơn trí không duyên vào đâu thì không có niệm, Tục trí có duyên nên niệm tướng sanh. Lại nữa “Tướng chẳng khác Không, Không chẳng khác tướng” gọi là “Đệ nhất nghĩa trung đạo”; đây là hiển bày pháp thân. “Tướng tức là Không” gọi là chơn đế; phá 25 cõi đắc 25 tam muội, thường không tịch thường hóa hiện hòa quan lợi vật đều từ chơn đế, đây là hiển nói hóa thân. “Không là tướng” gọi là tục đế, hằng sa vạn đức đều nương vào tục đế, đây là hiển báo thân. Như thế là lấy tam quán để quán tam đế chứng tam đức thành tựu tam thân, cho đến thập chủng tam pháp, có gì lại chẳng được mà muốn loại trừ tư tướng thanh tịnh, thủ lấy cái tướng vô tướng, bẻ tắc nẻo thiên định giữ mãi sự cách ngăn với việc thành Phật.

Kinh Lăng Già Mật Nghiêm chép: “Thà khởi cái thấy có như núi tu di, đừng khởi cái thấy không dù chỉ bằng hột cải” cái thấy có nghĩa là tin nhân quả, giữ tư tướng Phật. khởi thấy như thế được sanh về cõi tịnh

độ Cực Lạc nên bảo “thà khởi thấy có”. Khởi thấy”Không” nghĩa là bài bác nhân quả, hủy báng niệm Phật. Khởi thấy như vậy chắc chắn sanh vào A tỳ địa ngục nên răn bảo “đừng khởi thấy không”. Đây là điều đáng sợ vậy.

XI- TO TIẾNG NIỆM PHẬT MẶT HUỐNG VỀ TÂY

Hỏi: Trong Phương Đẳng Kinh nói: “Muôn tu pháp môn vô thượng thâm diệu thiên định, nên tướng liên tục tướng bạch hào của Phật kèm theo xưng danh hiệu để được thăng định. Khi đã khế hợp với định rồi thì tâm và Phật đều mất”. Điều này có thể tin nhận, nhưng xét nghĩ: Mặc niệm lặng lẽ thì tam muội tự sanh cần gì phải to tiếng niệm Phật mới thành tựu chánh đạo?

Đáp: Đúng như điều đã hỏi thì to tiếng niệm Phật cũng không có gì sai, mà trái lại hỏi như thế là làm rõ công năng của nó vậy. Vì sao? Bởi điều thiết yếu để trừ tán loạn là phải giữ cho có tiếng. Tiếng niệm chẳng rõ ràng thì tâm niệm rời rạc lỏng lẻo không định. Còn tiếng niệm rõ ràng thì tâm được chuyên nhất không còn lo nghĩ, đây là nghĩa thứ nhất. Nghĩa thứ hai là tiếng vang ra thì tai họa tiêu mất, công đức được sung thịnh. Nghĩa thứ ba là to tiếng niệm thì cảm ứng đến chư Phật bồ tát, khiến sanh ra các tướng lành như Phật soi ánh sáng đến, hoa báu rơi xuống lác đác như mưa... Nghĩa thứ tư, to tiếng là một phương tiện trợ niệm thân diệu, giống như khúc cây nặng không khiêng đi nổi nhưng chỉ một tiếng hô mà nhắc bổng đi được. Nghĩa thứ năm, to tiếng niệm Phật có năng lực hàng phục các ma nã, giống như trong trận chiến, biết dùng tiếng trống lấn áp tinh thần đối phương thì chắn chắn thắng được địch.

To tiếng có đủ năm nghĩa như thế sao lại bỏ đi. Nếu vừa tướng tướng bạch hào vừa to tiếng xưng hiệu Phật thì chắc chắn khế hợp với ý Phật, được định tuệ quân bình, và vào được cảnh giới tâm Phật đều mất. Vì vậy mà ở bài tựa trong “Niệm Phật Tam muội”, ngài Huệ Viễn nói: “Xét về công đức cao lại dễ tu tiên thì niệm Phật là pháp đứng đầu”.

Còn nói về niệm thầm, khởi tiếng liên tục trong tâm, tâm chuyên chú lắng nghe làm cho trần lụy tiêu tan, các tình niệm trệ ngăn được sáng thông thì không phải là pháp dễ dàng để mọi người hành theo được.

Để minh chứng, Kinh Hoa Nghiêm nói:

“Thà chịu vô lượng khổ để được nghe tiếng Phật,

Chớ chẳng nhận điều vui mà không nghe tiếng Phật.”

Vậy thì to tiếng niệm Phật là mầm mống phát sanh điều thiện, giống như tiếng sấm mùa xuân là khởi động cỏ cây, sao lại khinh chê?

Hỏi: Kính nhận ý nghĩa về to tiếng và nhỏ tiếng niệm Phật. Xin hỏi: Ở mười phương tịnh độ đều có Như Lai, nay chỉ hướng mặt về phương tây, như thế có phải vướng mắc không?

Đáp: Chẳng phải. Điều này trong Kinh Phương Đẳng có nói, không phải do người bày ra, há có thể hủy báng Kinh Phương Đẳng ư?

Hỏi: Xin được nghe lý này thế nào?

Đáp: Cũng có lý của nó. Như người si mê thấy đức Quán thế Âm có 11 mặt, liền vấn nạn rằng “Sao không là 12 mặt?”; rồi tùy theo trả lời thế nào, liền hỏi trở lại: “sao không là 11 mặt”. Ông nay muốn lấy Đông để nạn vấn Tây thì cũng như người ấy.

Lại nữa, vì chúng sanh còn mê chưa tỉnh, cần phải giữ thân an ổn, để tâm theo một hướng không rời thì có thể tinh ngộ được, còn bằng chẳng ngộ được thì không làm sao giáo hóa được, chỉ đáng thương vậy.

Trong “Thắng Thiên Vương Kinh” phẩm “Nhị hạnh” nói Như Lai có 80 tướng đẹp, trong đó có tướng “Tùy hào quang minh công đức” là tướng luôn hướng về chúng sanh không lìa bỏ một ai, sẵn sàng phóng hào quang đến chúng sanh nào cần cầu, thật rất từ bi.

Ngài Trí Giả Đại sư từ lúc còn bé luôn luôn giữ lệ là nằm thì chấp tay, ngồi thì day mặt về Tây. Về sau lớn lên khi đọc 48 lời nguyện và chín phẩm vãng sanh, cảm ứng được tướng lành ánh sáng soi rục núi, thiên nhạc tấu vang trời. Sau cùng ngài được sanh Tây phương Cực Lạc. Như thế, việc day mặt hướng về phương Tây chẳng đáng rộng tuyên dương ư?

Hỏi: Xin được nghe về ý nghĩa của Ban Châu

Đáp: Tiếng Phạm là Ban Châu, tàu dịch là “Hiện tiền”, nghĩa là nghĩ nhớ Phật liên tục không ngừng thì Phật sẽ hiện hiện trong định. Vấn đề 90 ngày thường hành đạo là để trợ duyên cho pháp ban châu chớ không phải là chính nghĩa.

Hỏi: Về diệu môn của tịnh độ là Ban Châu đã được giải rồi. Song thời cận đại đến nay có ai đến được An dưỡng Quốc, đã không có tướng báo tin làm sao biết là đã đến nơi ấy. Xin ngài giảng rõ.

Đáp: Đòi nhà Tấn, ngài Huệ Viễn ở Lư Sơn là vị đầu tiên khởi xướng tu tịnh độ. Được ngài Phật-Đà-bạt-đà-la truyền pháp môn niệm Phật tam muội, ngài cùng các huynh đệ là Huệ Trì, Huệ Vĩnh nhóm họp các sĩ phu, quan lại về hưu, người ẩn dật, bậc có uy tín như Tông Nạp, Trương Dã, Lưu Di Dân, Lôi Thứ Tông, Châu Tục Chi, Khuyết Công Tắc,... 123 người cùng nhau đục núi làm bài minh phát thệ sanh Tịnh Độ. bài văn do Lưu Di Dân trước tác đại lược như:

“Buông xả vòng thế gian chìm đắm, tỉnh ngộ kiếp vô thường chóng vánh, rõ ba báo thường xuyên thô thúc, cõi hiểm nguy biết khó thoát ra. Thế nên các hiền sĩ cùng chí khí hướng đây ngày đêm kính cẩn chuyên cần mong đức Di Đà từ bi sang cứu độ. Dùng diệu quán đại nghi để khai mở tâm hồn, luyện trí quán chiếu luôn rõ ràng chánh trực. Để ý thức nhờ đó mà tỏ ngộ, thể xác bởi đó được đổi thay. Ngõ hầu mượn thân phù dung giả tạm để vào dòng thánh chúng, núp bóng Quỳnh Kha chư Phật để trưởng dưỡng tánh linh, mặc áo giải thoát bay nơi cực lạc có ao sen bát đức, thổi ngọn gió thơm thanh tịnh trở về độ kẻ cùng niên (cùng tử) lầm lạc. Thân hết mọi an nguy mà luôn luôn hòa mục, tâm vượt cả khổ vui mà vẫn tự tươi vui. Trông xuống Tam đồ thấy sâu hun hút, nhìn lại thiên cung thì đã bỏ xa. Theo con đường của hàng Thánh chúng; mong được về tịch tịnh Niết bàn”.

Rõ xét, đạo như thế, há chẳng nên hoằng dương ư?

Ngài Huệ Viễn viết lời tựa sách “Niệm Phật tam muội” có nói rằng: “Sao gọi niệm Phật tam muội? Là nhớ chuyên, tưởng lặng vậy. Nhớ chuyên (luôn nhớ không ngừng) thì chí Không đời đời. Tưởng lặng (các tướng đều lặng) thì khí thanh thần sáng. Khí thanh thì trí giác soi khắp, thần sáng thì chiếu suốt chỗ tối tăm. Hai điều này thâm hợp nhau và chung hội lại mà thành ra diệu dụng. Các môn tam muội rất nhiều, nhưng về phần công đức cao để tu tiến thì niệm Phật là bậc nhất. vì mỗi người đều có nhân duyên với các thứ định khác nhau nên không thể nói định nào hay dở được”. Tạ Linh Vận có bài thơ vịnh tịnh độ như:

“Pháp Tạng trường vương cung
Hoài đạo xả quốc thành
Nguyện ngôn tứ thập bát
Hoằng thệ chủng quần sanh
Tịnh độ nhất hà diêu
Lai giả giai tinh anh
Đòi niên an khả ký
Thừa hóa tất thân chinh”.

Tạm dịch:

“Pháp Tạng xưa vốn ở Vương Cung
Lòng say mến đạo xả quốc thành
Từ tâm khởi bốn mươi tám nguyện
Thề cứu khắp cùng các chúng sanh
Lập một tịnh bang đầy trắng diêu
Ai về đây đủ vẻ tinh anh
Không già nua không điều đau khổ

Nương đài sen hoá hiện du hành”.

Ông hỏi rằng chưa thấy ai báo tin được vãng sanh, sao chẳng nhớ chuyện Khuyết Công Tác đòi tấn vãng sanh rồi trở lại báo tin. Ông Khuyết Công Tác lúc còn sống có lời nguyện khi được vãng sanh xong sẽ trở về báo tin cho mọi người biết. Về sau ông mất, vào một đêm trong chùa Bạch Mã ở Đông Kinh những người bạn từng cùng ông phát thệ tu hành đang tụng kinh là lễ kỷ giỗ ông. Giữa lúc ấy bỗng đại diện trở nên sáng lòa màu vàng kim, trong hư không có tiếng nói rằng: “Tôi là Khuyết Công Tác trước kia cầu sanh về Cực Lạc, nay đã đạt kết quả nên trở về đây báo tin”. Nói xong các tướng lạ này liền mất.

Ông Chi Đạo Lâm thấy vậy có lời tán thán rằng:

Đại tai Khuyết Công
Hâm hư nạp linh
Thần hóa Tây vực
Tích nghiệm Đông Kinh
Bồi hồi tiêu hứ
Lưu hưởng diệu hình
Khởi khâm nhứt tán
Thị dĩ phi mình”.

Tam dịch:

Cao cả thay Khuyết Công
Lặng sáng mà hiển linh
Chánh niệm thần về miền lạc cảnh
Giác mê ứng tích tại Đông Kinh
Trong mây đường rõ tiếng
Nét ngọc khó quên hình
Nhiệm màu khen nói khôn cùng tận
Phật thánh ai rằng chuyện mộng mình.
(Trích Mây Diệu Sen Thanh)

ông Ngô hiệu Kính cũng có lời khen:

“Y dư Công Tác
Tiên cam pháp vị
Tri ngã gia hi
Kỳ đạo nãi quý
Kim Quang dạ lãng
Ngọc nhan triều túy
Bất xả hữu duyên
Ngôn cáo kỳ lụy (loại)”.

tam dịch:

Hay thay Công Tác
Trước nếm Pháp Vị
Biết tôi mong cầu
Đạo ấy thật quý
Nên hiệu Kim Quang
Diệu tướng rõ ràng
Không quên nguyện cũ
Về báo Tây phang”.

XII-MỘNG TÌNH ĐỀU CHỈ MỘT TÂM.

Hỏi: Phật nói tất cả pháp đều như mộng, Không biết đức Phật ta niệm và tịnh độ ta cầu sanh đây có như mộng chăng? Nếu chẳng mộng thì thành ra Phật ở ngoài tâm, còn Phật là mộng thì Phật chỉ là điều trong

mộng, giống như trong mộng thấy vàng, tỉnh dậy chẳng có gì cả, e rằng niệm tưởng 3 thân thành ra rỗng tuếch rốt cùng đều là hư vọng. Xin ngài giảng giải thêm.

Đáp: Chẳng phải hư vọng. Vì sao biết như vậy. nếu người niệm Phật tam muội đều giống như chiêm bao thấy vàng thì cái cứu cánh nhờ niệm Phật mà sanh tịnh độ rõ ràng như thế, há cho rằng vọng ư?

Lại như người tập thiên nhãn, mới đầu tưởng tượng ánh sáng của viên ngọc lửa, tưởng mãi không dừng nghĩ, sau phát sanh thiên nhãn thật sự, điều này cũng bảo là vọng được ư, cũng đồng với chiêm bao thấy vàng rốt cuộc không có gì ư? Thế nên đừng xem sự việc xa bằng con mắt cận rồi cho rằng mộng, đừng bao giờ cho niệm Phật vắng sanh toàn là điều trong mộng.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tâm, Phật và chúng sanh ; cả ba không sai biệt”. Tâm mê giống như mộng đó là chín cõi của chúng sanh, tâm ngộ đồng như tỉnh tức là pháp giới của chư Phật. Mê ngộ đều chỉ ở một tâm, mộng tỉnh chưa từng ở hai nơi.

Song Kinh nói: “Rõ vọng vốn là chơn”. Như vậy thì thấy Lô-xá-na như mộng cũng chẳng sai. Đây là do tâm xét thấy vậy.

XIII-NIỆM BA THÂN PHẬT PHÁ BA CHƯỚNG

Hỏi: Phật có 3 thân làm sao nhớ niệm, xin ngài chỉ bày để lúc niệm không còn sai thất.

Đáp: Ba thân Phật là pháp thân, báo thân và hóa thân. Pháp thân như mặt trăng thật trên hư không. Báo thân như ánh sáng của mặt trăng. Hóa thân như bóng của trăng in trên mặt nước. Trong muôn ngàn mặt nước đều có trăng như vậy trăng này nhiều hay chỉ có một? Chẳng thể nói một vì ở muôn ngàn mặt nước đều có trăng riêng biệt, cũng chẳng thể nói nhiều vì trên hư không chỉ có một mặt trăng.

Kinh nói: “Hoặc hiện thân nhỏ cao một trượng sáu, ngang 8 thước đều là Phật trong tâm chúng sanh”. Như vậy hình dáng còn không có, há Phật có hai ư? Cõi tịnh, cõi trược đều trong tâm mình vậy.

Nếu muốn dùng pháp niệm ba thân Phật để phá ba chướng thì nay nên xét rõ rằng: Thân Phật ấy có ra là do tu chỉ quán sanh, tu chỉ quán chẳng đồng đều thì các chướng phát khởi. Người niệm Phật tu chỉ tâm trầm thì “hôn ám chướng” khởi động làm chướng ngại hóa thân Phật. lúc ấy nên dùng pháp quán để phân chấn tâm bằng các niệm tưởng ánh sáng bạch hào của Phật, như thế thì phá được “hôn ám chướng”.

Nếu tu quán tâm phù động, nghĩ tưởng các việc ác, làm chướng ngại báo thân thì nên trở lại tu chỉ để ngăn trừ tất cả ác niệm bằng cách niệm tưởng “các nhân lành xưa của Phật có hằng sa công đức tròn đầy trí tuệ, do nhân ấy mà được báo thân”, như thế thì phá được “ác niệm chướng”.

Nếu “nhị biên chướng”(chướng phân biệt chấp trước) phát động sanh ra nhiều hình trạng lạ lùng, các tướng mạo lẫn lộn, mềm cứng phá rồi là chướng ngại Pháp thân Phật thì dùng pháp “Trung Đạo đệ nhất nghĩa Không” để phá nó. Như Kệ nói:

“Vô sắc vô hình tướng
Vô căn vô trụ xứ
Bất sanh bất diệt cố
Kính lễ vô sở quán”

Tam dịch:

Không có sắc cũng không hình tướng
Không có căn cũng không chỗ trụ
Tất cả vốn chẳng sanh chẳng diệt
Kính lễ diệu quán “vô sanh hữu”.

Ý nghĩa của pháp quán vô sở hữu này giống như luồng gió mạnh thổi tan đám mây dày đặc để hiện bày rõ ràng mặt trăng Pháp thân thanh tịnh, phá dẹp các chướng phiền não bức bách.

Tùy theo bệnh cho thuốc thích hợp không ngoài các điều này. Khi ta đã đồng hóa với người, người đồng hóa với vật, ta và vật như nhau thì tam muội tròn đầy mạnh mẽ. Bây giờ, chúng sanh mà vô tận thì tam muội cũng vô cùng.

Sáu điều trên đây là nói về niệm Phật A Di Đà hiện tại để thấu suốt ý nghĩa niệm Phật ba đời (tam thế Phật). Rộng như trong An Lạc Tập, Thiên Thai thập nghi luận, Thích Quán Nghị Luận (Hoài Cảm Pháp Sư) Vãng Sanh truyện, Pháp bửu nghĩa luận (trù Thiên Sư), Vô thượng thâm diệu thiên môn truyện tập pháp bửu (Phi tích thiên sư) đã giảng.

XIV- NIỆM PHẬT QUÁ KHỨ, NHÂN QUẢ NHƯ NHAU.

Hỏi: Phật mà chúng ta niệm là bậc Chí Thánh tốt cùng huyền diệu được tôn gọi là Như Lai. Còn người niệm Phật, kẻ mới trộm nhìn vào cửa Chơn như vẫn còn là hàng phàm phu, làm sao lạm nói là đồng bậc Chánh Giác được?

Đáp: Trong Kinh Tam Muội Hải có chép: “Phật như Sư tử Chúa đã ra thai”, đây là dụ cho Phật quả. “Người niệm Phật như Sư tử Chúa còn ở trong thai”, đây là dụ cho Phật tử. Nhân quả tuy khác biệt mà uy thần tiếp nối nhau. Như vậy, luận nói người niệm Phật đồng là Phật thì đâu có gì sai lầm. Muốn cho Sư tử trong thai găm rống làm chim đang bay phải rớt xuống, thú đang chạy phải ẩn mình thì vị lai sẽ có. Cũng như sư tử đã ra ngoài thai vẫn ở đó để đợi thì có lỗi gì. Đây là ý nghĩa “nhân quả như nhau” vậy.

Trong Kinh Pháp Cỗ cũng chép: Vua Ba tư nặc dẫn binh đánh nước địch bị trúng tên độc đau đớn không thể chịu nổi. Ông nghe biết có vị thuốc hay tên “Tiêu độc vương” lấy thuốc này thoa lên mặt trống rồi dùng dùi trống đánh có thể làm cho tên độc vọt rớt ra. Ông bèn làm theo và bình phục như xưa. Cũng thế, nếu nghe danh hiệu Phật Thích Ca Mâu Ni và nghe hiểu tin nhân danh hiệu Tỳ kheo xuất gia thì có thể làm ba mũi tên độc trong thân vọt ra rớt xuống”. Thế nên kinh này gọi là Đại Pháp Cỗ. Thích Ca Mâu Ni là Phật quá khứ, là quả. Tỳ kheo là người xuất gia, là nhân. Đây cũng có nghĩa “nhân quả như nhau” vậy.

Như thế, ở hai kinh trên đã nói rõ tuy chưa phải là hàng Cực Thánh chỉ là người nghe danh Phật được lợi ích mà đối với Phật vẫn không sai biệt. Do đó trong sách Pháp Hoa Tam Muội, quyển trung, truyện Sư tử (thiên tính của Sư) kể rằng: [vào Triều đại nhà Tùy, Ngài Nam Nhạc Huệ Tư Đại Thiên Sư có người đệ tử tên là Đại Thiện Thiên sư đắc Từ Bi tam muội. Bây giờ trong xứ Hoàn Dương, Thứ Sử Trịnh Tăng Cảo khi chưa tin Phật pháp thường hay cùng mọi người đi săn thú. Một hôm ông bủa lưới vây được mười con nai, ông bèn nói với Huyện Lĩnh Trần Chánh Nghiệp rằng: “Ông thường khen ngợi Đại Thiện thiên sư có thần lực từ bi, vậy hãy đem thần lực ấy cứu các con nai này xem nào”. Ông Chánh Nghiệp nghe vậy bèn bảo những người chung quanh đồng hô lên một tiếng rằng: “Nam mô Đại Thiện Thiên Sư”. Ngay lúc ấy bảy nai đều bay lên hư không mà thoát ra ngoài.] Như vậy, so với thần lực của đức Quán Âm đâu có gì sai khác. Đại Thiện thiên sư và Ngài Trí Giả đều là bậc nổi danh đương thời.

Nếu chẳng coi thường lời dạy của Thánh Nhân thì niệm Phật tam muội có thể triệt ma dứt nạn. Giống như vàng ở trong lò luyện, nó đã trở màu sáng đẹp rồi mà bọn thợ chẳng hết ư?

XV- SONG TU LÝ SỰ VÔ TÂM NIỆM PHẬT.

Hỏi: Huyền nghĩa của pháp niệm tam thế Phật và dạy mặt về hướng tây đã được nghe. Song các pháp ấy đều có niệm có tư duy, có sanh có diệt, làm sao tương đồng với yếu chỉ “Đem tâm vô niệm mà tu niệm Phật” trong Kinh “Thắng Thiện Vương Sở Vấn”?

Đáp: Về thuyết “Vô niệm”, nhiều người hiểu lầm, nếu chẳng nghiên cứu tin tưởng thì e phải mù mịt đường tu thẳng tắt ấy. Nay sẽ đem hai phương diện Lý và Sự để nói rõ.

Về phương diện Lý tức là Chơn thật vô niệm. Trên phương diện này, “Hữu” và “Vô” có nghĩa: “niệm vốn vô niệm”. Là sao? Có nghĩa: Phật do tâm sanh, tâm tức là Phật. Giống như dao không tự cắt, tay không tự xúc, Phật cũng chẳng tự thành Phật, tâm cũng chẳng tự có tâm. Tâm không thể lập ở ngoài Phật, Phật cũng chẳng có ở ngoài tâm. Phật đã chẳng có thì tâm há có? Ý nghĩa vô tâm niệm Phật rõ ràng như vậy. Do đó thế gian nói “niệm Phật là có niệm”, còn tôi nói “niệm Phật là vô niệm” vẫn chẳng sai vậy.

Lại nữa, niệm tức là “không”, há có niệm ư? Chẳng phải niệm diệt mới “không”, vậy há có vô niệm? Tánh của niệm là “không”, há có sanh diệt ư?

Lại nữa, “Tâm vô niệm” là “không chỗ trụ” và “tu niệm Phật” là “khởi tâm”. “Tâm vô niệm” là từ gốc vô trụ và “tu niệm Phật” là thành lập tất cả pháp. (“Đem tâm vô niệm mà tu niệm Phật” là “nên ở trong không chỗ trụ mà khởi tâm”, là “từ gốc vô trụ mà thành lập tất cả pháp”). Tâm vô niệm thì “niệm tức là không”, Tu niệm Phật thì “không tức là niệm”.

Như thế, niệm Phật chẳng khác với yếu chỉ vô niệm, đây là nói về Trung Đạo.

Tâm niệm và Phật đều bất (lặng) là chỉ, cả hai đều sáng tỏ là Quán. Chỉ Quán tức Định Huệ đều đồng há chẳng phải là chánh định ư? chẳng phải là tam muội ư? Nay chỗ sáng tỏ mà thường lặng tức là “tâm vô niệm” vậy, lặng mà thường sáng tỏ là “tu niệm Phật” vậy. Đức Như lai chứng “tịch chiếu tam-ma-địa” tức là chứng cảnh giới “Cứu cánh niệm Phật” này. Nên tam muội ấy mới sanh ra “Thủ Lăng Nghiêm Vương Sư Tử hồng định”.

Như Kinh “Bồ Tát niệm Phật tam muội”, phẩm Phá Tướng có kệ nói:

“Niệm Phật Chơn Kim Sắc,
An Trụ tâm vô trước(chẳng chấp)
Nhiếp tâm không gián đoạn,
quán pháp nào là Phật.
Kim Sắc chẳng phải Phật,
Bốn âm kia cũng vậy
Lìa sắc cũng chẳng Phật,
Lìa bốn âm cũng thế.
Bậc tối thắng tịch tịnh
Khéo diệt trừ tất cả,
Ngoại đạo các tà kiến
Như Long Vương làm mưa,
Thấm mát cả vạn vật
Đấy là Phật Thế Tôn”.

Kinh này nói rõ Lục độ vạn hạnh, không một pháp nào chẳng là “Niệm Phật tam muội”.

Hỏi: Về phương diện “Lý” đã giải xong, xin ngài trình bày về “Sự” để người tu học đạt được “Chơn thật vô niệm”, hợp với Bát-nhã-ba-la mật, rõ thông pháp “Đại Thừa Vô tướng thâm Diệu Thiên định”.

Đáp: Lý và Sự đi đôi với nhau. Trước đã nói lý và sự, nay sẽ nói về Sự của lý. Đại phẩm kinh nói: “Đối với kẻ độn căn, Phật nói các pháp đều không tịch là vì họ hay sanh chấp kiến. Đối với người lợi căn, Ngài nói đến tướng hảo của Chư Phật giống như sen không nhiễm bùn”. Bởi thế nên Ngài Tu Bồ đề tuy là tiêu thừa mà thành bậc đệ nhất thấu rõ Không, thấu đạt các pháp vô danh vô tướng và được thọ ký tương lai thành Phật hiệu là Danh Tướng Như Lai. Nếu chẳng phải đại thừa tất còn sợ sắc thanh hương vị xúc lỗi cuốn, còn lo trốn tránh không phút giây thông thả thì dám đâu đi quanh quẩn trong “vườn hoa” sắc tướng. Nay đã thấu đạt Danh Tướng nên được Phật thọ ký vậy.

Nói về Sự. Phật đã sanh nơi tâm thì ban Châu tam muội, không niệm vẫn đạt được. cảnh đã không làm động được ta thì Pháp Hoa Tam muội, chẳng cầu mà tự có. “Tâm vô niệm” là dứt mọi loạn tưởng và “tu niệm Phật” là khéo tưởng Phật.

Kinh “Văn Thù Sở thuyết ma ha bát nhã” nói: “Như người học bắn cung, tập lâu thành thiện xảo. Sau đó dù vô tâm bắn mà tên phát ra đều trúng cả. Cũng thế, người muốn thâm nhập nhất hạnh tam muội nên hướng về nơi Phật đang ngự chuyên rông xưng niệm danh hiệu của ngài, niệm niệm tiếp nối không gián đoạn. Được vậy thì ngay trong mỗi niệm đều thấy tam thế chư Phật như người tập bắn cung kia sau khi tập thuần thực, vô tâm vẫn bắn trúng”. Như thế thì “vô tâm” chẳng phải là không khởi niệm. Cũng vậy Kinh Phương Đẳng nói: “Niệm luôn luôn không dừng nghỉ Phật sẽ hiện”. Anh Lạc kinh nói: “Đạo là nhứt tâm, đa tướng chẳng

phải Đạo”. Tọa thiền tam muội Kinh nói: “Bồ Tát tọa thiền chẳng nghĩ gì cả, chỉ chuyên niệm một Phật như núi chúa Tu Di vàng chói giữa biển cả trong xanh. Cho đến niệm công đức Pháp thân cũng như vậy”.

Hỏi: Nếu nói Vô niệm là tam muội thì cứ việc để tâm thẳng vào chỗ vô niệm, sao lại đi xa nẻo ấy mà dụng ý niệm.

Đáp: Lăng Già Kinh nói: “dùng cây gài cửa để mở cây gài cửa”, và tục ngôn nói: “Khiến giặc đuổi giặc”. Nay ta dùng niệm để dứt niệm thì có gì chẳng được, hưởng hồ niệm mà thuần thực thì chẳng cầu mà thực thành vô niệm, Không cần dùng sức. Giống như kiếm sĩ múa gươm, múa đến khi rung động cả mây xanh rồi bỏ kiếm vào bao đeo bên lưng mà chẳng mất nội lực. Lại như đầu bếp chặt thịt nếu bỏ dao thì chẳng làm được. Đó là niệm thuần thực, chẳng quá rõ ràng rồi ư?

Nên Khởi tín luận nói: “Nếu biết rõ tuy nói mà không có người nói để nói, tuy niệm mà không có tâm niệm để niệm thì gọi là tùy thuận tam muội. Còn lìa niệm mà gọi là chứng nhập thì chỗ chứng nhập này tức là Chơn thật tam muội. Hưởng hồ cảnh giới Vô niệm ở vào hàng Diệu giác vì chỉ đáng Như Lai mới liễu tri được tướng ban đầu khi tâm chưa sanh khởi này (vô niệm). Đối với tướng này, Bồ tát thập địa còn chưa biết được hưởng là chúng ta chưa vào được hàng thập tín”.

Nếu chẳng y theo ngài Mã Minh, từ chỗ nói vào nơi không nói, từ chỗ niệm vào nơi vô niệm thì e phải vướng lỗi “thích lâu cao mà khinh đất thấp, bỏ quần mà mặc áo”, như thế há được ư?

Kinh Đại Phật Đảnh Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm nói: [Ngài Pháp Vương tử Đại Thế Chí cùng 52 vị Bồ tát đồng bực, từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật, rồi bạch Phật rằng: “Con nhớ hàng hà sa số kiếp về trước có Phật ra đời hiệu là Vô Lượng Quang và liên tiếp mỗi kiếp 12 vị Như lai ra đời. Vị Phật rốt sau tên là Siêu nhật nguyệt Quang. Phật này dạy con pháp môn niệm Phật tam muội: ‘Như một người chuyên nhớ, một người chuyên quên, hai người như thế dù có gặp nhau cũng như chẳng gặp, có thấy nhau cũng như không thấy. Nếu hai người nhớ nhau và nhớ niệm sâu chặt thì dù có trải qua đời này đời khác cũng vẫn bên nhau như bóng với hình chẳng trái lìa. Cũng thế, mười phương như lai luôn thương tưởng chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con cứ trốn tránh thì dù mẹ nhớ thương cũng chẳng làm sao gặp được. Nếu con nhớ mẹ đồng như mẹ nhớ con thì mẹ và con đời này đời khác (muôn đời) vẫn không xa cách. Nếu chúng sanh luôn nhớ Phật niệm Phật thì hiện tại tương lai chắc chắn thành Phật, theo Phật không xa?’ Nghe như thế chẳng nhờ phương tiện, tự tâm con liền được khai ngộ như người ướp hương thơm nơi thân có mùi thơm, đây gọi là Hương Quang Nghiêm. Chỗ tu nhân thọ xưa của con là dùng tâm niệm Phật để chứng nhập vô sanh nhẫn. Ngày nay con ở cõi này để dẫn dắt người niệm Phật trở về Tây phương Tịnh độ. Phật hỏi viên thông, con nghĩ không cần chọn lựa, cứ thu nhiếp hết lực căn, tịnh niệm liên tục thì đắc tam ma địa. Đây là đệ nhất”]

XVI-LIỄU ĐẠT TÂM VÀ CẢNH THÌ VỌNG TƯỚNG CHẴNG SANH:

Hỏi: Chẳng liễu đạt tâm và cảnh thì còn khởi hai vọng tưởng. Nay còn Phật để niệm và còn tâm khởi niệm, như vậy chẳng phải là hai vọng tưởng sao?

Đáp: Kinh Lăng Già nói: “Liễu đạt tâm và cảnh thì vọng tưởng liền không sanh” tức là nói: mọi thứ đều phải xa lìa hai tướng năng và sở vậy.

Nay các tướng ta niệm như chữ vạn--, mắt xanh, bạch hào đều là tâm ta cả, thì không Phật nào bên ngoài có được Duyên (cảnh) đã không có thì tâm há có ư? Thế thì niệm tức năng tướng và Phật tức sở tướng liền tự xa lìa, đâu còn vướng mắc ở hai vọng tưởng. Chỗ các thánh xưa truyền thọ cho nhau chính là cái ngộ “vọng tưởng vô tánh” này vậy.

Lại nếu, quán thật tướng của Phật và thân ta đều như nhau thì đối cảnh đều là chơn, không tâm nào chẳng là Phật tức lý trung đạo trùm khắp tất cả, như thế há còn trụ nơi Phật tức sở duyên ư?

Lại giải rằng: như trên mũi có đốm mực, khi soi vào gương, người không thích đốm mực ấy lại đi lau mặt gương há được ư? Người ghét việc thị phi, khi đối tiếp trần cảnh, chẳng rõ chúng đều do tâm mình, lại cứ oán trách cảnh, há lại được sao? Đâu bằng cứ tẩy trừ mực trên mũi, xả bỏ tâm phân biệt tầm kiếng sẽ tròn sạch, vạn cảnh sẽ toàn chơn, sẽ thấy đá đồng ngọc báu, chúng sanh đồng là Phật.

Thế nên trong Tục Cao Tăng Truyện chép: [Vào triều đại nhà Tề, có cư sĩ họ Hương gửi thơ đến hỏi Thiền Sư Huệ Khả rằng: “Bóng do hình mà có, âm vang do tiếng mà ra. Đùa với bóng làm một hình (thân) tức chẳng biết hình là gốc của bóng. Phát ra tiếng để ngăn âm vang tức chẳng rõ tiếng là cội rễ của vang. Bỏ phiền não mà cầu Niết bàn giống như trốn hình mà tìm bóng. lia chúng sanh để cầu Phật thì khác nào im tiếng để tìm vang.

“Nên biết mê ngộ chỉ một đường, ngu trí không sai khác vốn Không tên lại đặt tên thì nhân tên đó mà thị phi sanh, vốn Không lý lại lập lý thì do lý ấy mà tranh luận khởi. Đã là huyền hóa, chẳng chơn thì ai đúng ai sai? (ai thị ai phi); đã là hư vọng, Không thật thì đâu Không đâu có? Huống đã từng biết: “được, vốn Không có chỗ được; mất, vốn Không có chỗ mất”.

“Vì chưa có dịp đến để luận bàn, nay bày tỏ vài ý, mong Ngài nghĩ đến mà phúc đáp”.

Ngài Huệ Khả viết thơ phúc đáp rằng: “Những lời luận nói về chơn pháp ấy đều đúng, Khế hợp với diệu lý. Chẳng khác gì: xưa kia không biết, cho ma ni là ngôi gạch; nay bỗng nhiên nhận ra đó là chơn châu. Cũng thế, Vô minh và trí tuệ như nhau không sai biệt. Nên biết vạn pháp đều là như, quán rõ thân mình và Phật không sai biệt thì cần gì đi tìm vô dư nào khác”.

Hai vị thượng sĩ này ý nói Xứng Pháp hạnh của Đạt ma Đại sư, theo lý quán mà dụng tâm đều là niệm Trung đạo đệ nhất nghĩa để pháp thân Phật vậy. Rõ ràng chẳng lia niệm mà giữ lấy vô niệm, chẳng lia sanh để lập vô sanh. Nếu lia ra để riêng lập tức là chẳng liễu đạt phiền não là bồ đề, chúng sanh là chư Phật, làm sao nhận được ngôi gạch ấy là chơn châu. đã không thể lia thì niệm Phật mà Chơn vô niệm, vãng sanh mà thật vô sanh. Như thế, nghĩa lý đã sáng tỏ như trời thu mưa tạnh, như trăng sáng thoát mây, há lại đồng với kẻ ngu chỉ nhìn ngón tay chẳng nhìn mặt trăng ư?

XVII-NÊN Ở TRONG TÂM HÀNH MÀ CẦU GIẢI THOÁT VÀ CHƯ PHẬT.

Hỏi: Kinh Duy Ma chép: “Đối với Chư Phật và pháp giải thoát, nên ở chỗ nào mà cầu? Nên ở trong tâm hành của tất cả chúng sanh mà cầu”. đã nói rằng: “ở trong tất cả tâm hành mà cầu”, sao ở đây ta chẳng cầu nơi tự tâm mà lại cầu Phật ở ngoài?

Đáp: Ông cho rằng “Niệm Phật tam muội Vô thượng thâm diệu thiên” chẳng phải là cầu ở trong tâm thì chẳng đúng vậy. Tôi sẽ vì ông mà nói rõ.

Tâm khởi ra hành, hành động theo 3 cảnh:

1- hành thiện cảnh- như niệm Phật tam muội là cảnh thiện trong các thiện, là trời trong cõi trời.

2- hành bất thiện cảnh là tham, sân, si... tức các cảnh giới ác.

3- hành cảnh vô ký nghĩa là tâm không an trụ và chẳng duyên nơi thiện ác.

Nếu luận về tánh lý thì bao quát cả ba cảnh. Còn chỉ nói về thuận lý thì chỉ giữ lấy thiện cảnh mà thôi. Kinh nói “thủ ngã là bất tịnh, xả ngã là thanh tịnh”. Nghĩa là: chẳng liễu đạt bản thể pháp tánh vốn không xan tham, trái với pháp tánh mà hành bố thí, tức bố thí còn trụ nơi thí không thể xả thí, như thế chẳng phải là bất tịnh sao?. Còn liễu tri pháp tánh, tùy thuận hơn duyên hành bố thí ba la mật không có tướng xan tham và bố thí, làm việc thiện hợp với chánh lý, như thế chẳng phải là thanh tịnh ư?

Về bất thiện và vô ký, chúng trái với pháp tánh nên chẳng thể cùng thiện chung hợp. Do đó Trong Thắng Thiên Vương Kinh, Thắng Thiên Vương hỏi Phật rằng: “Làm thế nào Bồ tát thông đạt được Thiên ba-la-mật”. Phật nói với Thiên Vương rằng: “Bồ tát ma ha tát học Bát nhã ba-la-mật, hành thiên ba-la-mật nên quán tâm mình hành nơi cảnh nào, thiện hay bất thiện hay vô ký. Nếu hành nơi thiện cảnh thì chuyên cần tu tập. Như bông sen chẳng dừng trụ ở một giọt nước nào, dù chỉ một pháp bất thiện, bồ tát cũng không được tạm trụ tâm nơi ấy”.

Căn cứ theo lời kim khẩu ấy, há có pháp bất thiện vô ký nào mà chẳng từ bỏ. Thế thì tâm thuận lý thiện, hành nơi thiện cảnh đã nhấn mạnh rằng: Niệm Phật và giải thoát đều ở trong tâm hành cả. Nếu nói tâm hành

niệm Phật chẳng phải giải thoát thì hai thứ tâm hành bất thiện và vô ký há là giải thoát ư? Nên biết chỗ giải thoát nếu mê muội thì vướng mắc nơi đại họa, còn liễu ngộ thì chứng đắc như trở bàn tay.

Tu tập thiên định nên xét rõ chỗ ấy. Đức Như lai Thế Tôn xét về các định ấy, ngài cho “Niệm Phật tam muội” là vua trong các thiền; các tam muội khác đều có đối đãi đều là định của kẻ bình thường vậy.

Song, Bửu vương tam muội này chẳng trụ tướng Tôn quý, chẳng trụ ở tướng thấp hèn, tướng tà, tướng chánh, tướng Niết bàn, tướng sanh tử, tướng phiền não, tướng bờ đề, tướng tịnh, tướng loạn, tướng thành chánh giác, tướng độ chúng sanh, tướng ngồi đạo tràng, tướng vô sở đắc; nơi các tướng như thế đều chẳng trụ chấp, giống như tinh mộng rỗng rang không có đến đi. Do vậy Đại phẩm kinh nói: “Không đi không đến là Phật”. như thế với trung đạo còn buông xả, há lại trụ chấp nơi nhị biên sao. Như Kinh Chư Pháp Vô hành có kệ nói:

“Giống như người trong giấc chiêm bao
Thấy chúng Phật đạo độ chúng sanh
Vốn thật Không đạo Không chúng sanh
Tánh Phật pháp cũng lại như vậy.
Ngồi đạo tràng, chứng vô sở đắc
Nếu chẳng đắc thì chẳng có gì
Minh, vô minh cũng đồng một tướng
Biết rõ như vậy là Thế Tôn.
Tánh chúng sanh chính là bờ đề
Tánh bờ đề cũng là chúng sanh
Bờ đề, chúng sanh vốn không hai
Biết rõ như thế là Thế Tôn”.

XVIII – BA NGHIỆP CÚNG DƯỜNG CHÂN THẬT BIỂU LỘ SỰ CUNG KÍNH.

Hỏi: Phật đã diệt độ rồi, đem ba nghiệp dâng lên cúng dường làm sao nhiều phước được?

Đáp: Luận về biểu pháp giới cúng dường thì trong vạn hạnh, tịnh được tam nghiệp còn đều gọi là cúng dường, há duyên nghĩ đến chơn cảnh mà chẳng là cúng dường ư?

Sách Lý Thú viết: “Quán tất cả pháp thường hay vô thường đều là bất khả đắc, rồi ở nơi các Như Lai rộng thiết lễ cúng dường”. Há chẳng rõ ràng đó ư?

Lại lúc Như Lai còn tại thế, để tỏ lòng thành kính cúng dường đem hoa hương nhiều như mây như biển trùm khắp vi trần cõi đất dâng cúng cũng còn thấy ít. Ngay cả bậc Đại Sĩ (Bồ tát) nhập quán dùng tư tưởng coi núi Tu Di như cột đèn, biển cả như mâm dầu để dâng cúng Như Lai còn chưa cho là thật kính. Chỉ khi đốt tay kim sắc, dâng tháp minh tịnh, khiến thân vàng chói rực chiếu suốt mười phương để cúng dường Chư Phật, Bồ tát mới thấy vui mừng.

Nay người đời chỉ đem tự tâm hoặc đứng ở xa chỉ hoa trên cây mà nói rằng cúng dường, trái với lễ nghi kính dâng Phật, thật là ngã mạn lớn vậy. ông hỏi Phật diệt độ rồi, kính dâng cúng Phật sao có phước nhiều. Hãy nghe tôi nói rõ.

Vả như đình lan chạm gỗ (cốt hình) trong nhà, ngày đêm dâng cúng coi như cha mẹ còn sống, danh thơm lưu truyền; người như thế, đời nay gọi là con chí hiếu. Nếu đức Như Lai còn tại thế đẹp đẽ như núi vàng rực rỡ, nghiêm tướng uy nghi, ai thấy mà chẳng phát đạo tâm và dâng hoa đánh lễ, lúc ấy cúng dường thì khó khăn gì. Gặp lúc Phật đã diệt độ như trăng khuất núi, không thể phụng đối chơn nghi của ngài; chỉ biết qua kinh sách lưu truyền mà đối trước hình tượng ngài, phát ý vô thượng dâng cúng bông hoa; tâm ý đáng quý trọng như thế há lại dễ dàng ư?

Kinh Niết bàn nói: “Cho đến chỉ dâng cúng một bông hoa cũng được sanh vào nước Bất Động” Thế thì một hương, một hoa, một đèn, một nhạc cho đến đem thức uống ăn hết lòng ưa thích kính dâng cúng dường ba đời chư Phật đều là diệu nhân sanh về tịnh độ, là cội nguồn thành tựu chánh quả. Há có thể khinh thường việc ấy, chẳng tôn quý ư?

Nếu lia hạnh này, nghe theo những lời dạy không cung kính như dâng hoa tâm đốt đèn tâm, xông hương tâm, lễ Phật tâm mà muốn cầu chánh giác thì khác nào chạy theo cái hay của loài khỉ vượn (bắt chước), giữ lấy cái ngóng trông đến rừng mai già đặt (giả dối).

Bảo họ mặc quần áo tâm, ăn cơm tâm thì họ lại chống cự. Như vậy, sao với lực độ vạn hạnh lại bày đặt cái tâm thấy biết rỗng tuếch ấy. Nhờ chỉ tâm mà lại bảo ngó hư không, lỗi ấy cũng như thế, không thể không cẩn thận vậy.

Trong pháp môn Chân ngôn, Du già quán hạnh cũng y cứ sự môn, biểu lộ hình tướng nên không chỉ một mặt xét về tâm mà thường xuyên sáu thời dâng cúng hoa hương không thiếu sót.

XIX- VÔ TƯỞNG DÂNG HOA, TIN HỦY CHIÊU BÁO.

Hỏi: Hoa là sự, lý ở tại đâu? Tin và hủy chiêu báo thế nào.

Đáp: Hoa là lý, sắc là không. Về quả báo của lòng tin, trong Bi hoa kinh nói: Xưa có vương tử tên Vô sở úy (không sợ gì cả). Chăm bông sen dâng cúng đường Phật Bửu Tạng, Phật nói “người đem bông sen in hình ở hư không nên nay ta cho người hiệu là Hư Không Ấn tương lai sẽ thành Phật ở thế giới Liên Hoa, Phật hiệu là Liên Hoa Tôn chính là người đó”. Cả nước và Phật đều y cứ bông hoa dâng cúng Phật ngày xưa mà thành hiệu. Điều đó cho thấy rõ ràng ý nghĩa nhân hạnh chiêu cảm quả báo. Sao lại ngăn cản việc dâng hoa làm hạnh bố thí ba la mật mà muốn riêng theo lỗi vô tướng.

Còn về quả báo của việc hủy báng không tin, trong Kinh Đại phương Quảng Tổng trì có nói: [Xưa có một vị Tỳ kheo tên Tịnh Mạng, sống chánh kiến, mang hoa cúng đường Phật. Lại có một Tỳ kheo tên Pháp Hạnh sống tà kiến, tu đắc Tứ Thiên thường giảng thuyết rằng Không Tông bát nhã cao hơn hết. Ông bày báng Tịnh Mạng pháp sư rằng: “Ông Tịnh Mạng nhận hoa chẳng phải để cúng đường Phật mà là tự thọ dụng”. Chỉ một lời nói đó mà 6 muôn đời liên tiếp, ông luôn không có thiệt căn (lưỡi), cho đến khi thành Phật cũng vẫn còn sống trong đời ngũ trược. Pháp Hạnh tỳ kheo thuở trước ấy chính là Thích Ca Mâu Ni ngày nay vậy]

Phật nói: “ người ít học, trong giáo pháp tu lại khởi sanh hai thuyết (hữu vô) thì sau khi mạng chung phải đọa vào địa ngục trải qua nhiều trăm ngàn kiếp. Nếu lấy con mắt hung ác nhìn người phát bồ đề tâm thì bị quả báo không mắt. Nếu dùng miệng ác chê mắng người phát bồ đề tâm thì bị quả báo không lưỡi”. Nếu chỉ tu mỗi một bát nhã ba la mật mới đắc đạo bồ tát thì vua Ca-Thi-Ca ngày xưa khi hành bồ tát hạnh xả thân, đầu mắt, tủy, não cũng không có trí tuệ ư?

Thế thì biết: lục ba-la-mật phải tu gồm đủ, nếu chỉ chấp một mà bỏ những hạnh còn lại thì là ma nghiệp. Sao lại bỏ bố thí ba la mật dâng cúng hoa mà chấp ác thủ không, riêng giữ hạnh bát nhã chọn vô tướng đối trá. Quả báo không lưỡi không khỏi đến với lỗi này vậy. Đức Như Lai sở dĩ dẫn chứng lỗi lầm xưa của ngài là muốn bảo chúng sanh đừng đi theo lối cũ đó của ngài. Một bông hoa còn như thế, thì tất cả đất đá cỏ cây hình tượng, kinh điển, tạng ni, trụ trì tam bảo, giới định tuệ học, không luận là phước điền hay chẳng phải phước điền đều đáng cung kính vậy. Tất cả đều thuộc trong ba nghiệp cúng dường, có gì chẳng thành tựu được mà muốn lược bỏ đi.

Pháp Hoa kinh có kệ nói:

“Nếu người vào bên trong tháp miếu
Trước tượng báu hay là tượng vẽ
Đều dùng hoa hương và phan lọng
Hết lòng cung kính để cúng dường
Cho đến chỉ một âm thanh nhỏ
Cũng đều được thành tựu Phật đạo”

XX- MUÔN THIỆN CHUNG QUI ĐỀU THÀNH TAM MUỘI

Hỏi: Thí đèn, đèn sáng mãi được sanh về cõi trời Nhật nguyệt. Hoa, hương, phan, lọng cũng như đèn đều chỉ phát sanh phước báo cõi trời, mà ở đây lại nói “đều được thành Phật đạo”. Sao nói quá lời như thế?

Đáp: Như vua đi chơi có muôn xe ngàn quan. Quân lính đi theo đều có mang phù hiệu lính ngự. Ai xúc phạm đến lính này thì chết tại đó. Khi xe vua đã về cung, quân lính được giải tán về quê cũ. Nếu họ còn xưng là lính ngự thì cũng chết tại đó. Binh lính tuy đồng mà sống chết có khác. Bởi vì duyên khởi sai biệt mà có lúc về vang lúc nhục nhã vậy.

Cũng thế, với hoa, lọng, hương đèn đem cúng Phật nếu chẳng gặp Pháp Hoa Kinh Vương cho làm “kẻ dưới trướng” thì cũng chỉ được quả báo ở thiên cung. nếu may mắn gặp được Tam Muội Bửu Vương thì cũng “được theo hầu”, chỉ một bông hoa cũng thành tựu Phật Đạo. Đây là hột giống Phật nương theo duyên mà sanh khởi, lý dạy rõ ràng. Điều này giống như chim đậu núi Tu di đều có cùng màu với núi, sông đổ ra biển cả không cùng biển cả khác tên (đều gọi là biển cả).

Do đó Trong Đại Bảo Tích Kinh, ở Văn Thù Phổ môn hội, chung hợp hết thiên long bát bộ, địa ngục, súc sanh, sắc, thanh, hương, vị... tất cả vạn pháp đều vào trong tam muội, giống như sợi lông chứa trọn bể lớn, hột cái gồm thâu cả Tu Di. Chẳng phải sợi lông hột cái biến hóa được, mà chỉ vì cái hóa hiện tự biến hóa đầy thôi.

Thế thì hiểu biết là do nơi mắt, đi đứng là việc của chân. Hiểu biết ngay thẳng thì đi ngay thẳng, hiểu biết cong vạy thì đi cong vạy. Ma Phật, sâu cạn đều tùy theo sự hiểu biết nên Kinh Niết Bàn nói: “Bỏ sự chậm chạp, thì không gọi là chậm. Tại vì xe chậm mới gọi là chậm”. Xe là dụ cho tuệ giải (sự hiểu biết sáng suốt). Một hạnh đã như thế thì muôn hạnh khác cũng vậy.

Pháp Hoa tam muội là Niệm Phật tam muội. vì thế Như lai gọi Thắng định ấy là Tam Muội Bửu Vương, là Quang Minh Tạng, là ngọc châu trừ tội, là đèn phá tà kiến, kẻ dẫn đường trong nẻo mê, ấn vàng của Vương tử, kho báu của kẻ nghèo, là Không Tam muội, là Thánh Tam muội, đà-ra-ni, chơn tư duy, tối thắng quán, như ý châu, là Phật tánh, là Pháp tánh, Vô tận tạng, Thắng phương tiện, là ánh sáng đại trí, là pháp quán tiêu ác tam muội... Nên biết Giáo lý hạnh quả tam muội bốn ngàn môn ba la mật đều là tên khác của Niệm Phật tam muội.

Như thế thì dâng một bông hoa là phụng cúng khắp cùng ba đời vi trần cõi Phật. Niệm một Phật là thông đạt cả mười phương chư Phật vị lai: Giống như đất bằng đã là mục tiêu thì mũi tên nào bắn ra mà chẳng trúng. Bằng chẳng như vậy thì chính là chệ ý nghĩa “Sợ là Không”, “buông là Không”, “đi là Không”, “tìm là Không” trong Kinh Tư Ích vậy.

Khách nói: Thấy thuốc đã đi còn để lại thuốc, kẻ đi buôn phải nhờ có vàng. Chỗ ẩn tàng của bậc Tiên Hiền, chẳng đúng người thì không thể rõ. Đệ tử bởi còn tối đạo dốt học nên xưa nay luôn trộm nhìn vào cửa tam muội. Vì mong có ngày chứng vô sanh nên thường cầu được một lời dạy bảo chơn thật như chiếu chỉ mầu nhiệm của vua, như ấn báu của Pháp. Ngõ hầu đạt chỗ động tịnh song chiếu, lý sự viên dung, Khởi tâm mà vẫn hàm tàng chơn trí, tiếp xúc vạn loài mà vẫn trường tồn bất hoại, xưng nam mô Phật ngay đó thành tựu Phật đạo, tán hoa cúng Phật tích tấc vượt đến Bồ Đề, như kinh vua còn thì mình còn tôn quý, mất kéo mây mờ mà bỏ được màng che. Hai mươi nghĩa này chưa từng được nghe. Nay mừng nhờ đây mà bỏ được lỗi khinh thường chúng sanh, đến được cõi ưu du bửu trang nghiêm, thật là may mắn. Nguyên không đổi thân này, được thọ ký thành Phật, ngộ chư Phật vị lai chính là chúng sanh. Rồi cúi đầu lễ tháp Đa Bảo, cung đối Thanh tịnh Tăng, nguyện các ngài cùng tôi quán khắp mười phương chư Phật bồ tát niệm tròn đủ ba đời chư Phật. Xin quì chấp tay nói lời rằng:

“Nhứt tâm nhớ niệm Quá Khứ Phật
Niệm cả vị lai Phật Thế Tôn
Và hiện tại Phật giữa mọi người
Cũng học theo pháp các ngài dạy
Không có một Phật trong quá khứ
Cũng Không hiện tại và vị lai
Đây là thanh tịnh Vi Diệu Thiên
Không thể nói được, chứng thì rõ”.

Niệm Phật Bảo Vương Luận hết

Tỳ Kheo Chánh Tri thấy sách Tịnh Độ của Vân Thê Đại Sư giới thiệu rằng Triều Đại nhà Đường có Bửu Vương Luận, tên còn được liệt ghi mà sách không còn, trong lòng rất hâm mộ. Lúc được 30 tuổi, ông được Vạn Dung Thiền Sư tặng bản mà ngài gặp được, tâm ông vui mừng lộ vẻ ra ngoài bèn đem khắc bản ở chùa Huệ Khánh thành Cô Tô. Năm Bính tuất lại trùng khắc ở tổ đường Chùa U Tây.

Nguyện Pháp Giới hữu tình đồng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Tịnh Sĩ

Dịch xong 3.7.Mậu Thìn.

---o0o---